

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	DANH MỤC
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế điều hành tại Đại hội
3	Thông báo bầu cử bổ sung thành viên HĐQT Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT
4	Báo cáo tóm tắt nội dung sổ cổ đông chốt ngày 16/03/2020 để thực hiện quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần LICOGI 16
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT
6	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, và kế hoạch SXKD của năm 2020
7	Thông qua báo cáo tài chính và kết quả SXKD năm 2019 (đã kiểm toán)
8	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020
9	Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2019
10	Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2020
11	Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty
12	Tờ trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2020
13	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
14	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 (đã được kiểm toán)

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 (NGÀY 30/05/2020)**

Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
8h00 – 8h45	Tổ chức đón tiếp khách, kiểm tra số lượng và tư cách cổ đông về dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết	Ban kiểm tra tư cách CĐ và BTC
8h45 – 8h55	Thông qua quy chế điều hành tại đại hội	MC
8h55 – 9h00	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông về dự Đại hội	Ban KT tư cách CĐ
9h00 – 9h05	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.	MC
9h05 – 9h10	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký	MC
9h10 – 9h15	Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tịch HĐQT
9h15 – 9h25	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2019 và mục tiêu hoạt động năm 2020	Chủ tịch HĐQT
9h25 – 9h35	Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2020	TGD
9h35 – 9h40	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 (đã được kiểm toán)	KTT
9h40 – 9h55	<i>Trình đại hội các nội dung:</i> 1. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 2. Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2019 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2020 4. Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty 5. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2016 – 2020) 6. Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2020 7. Các nội dung quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ	Thành viên HĐQT
9h55 – 10h05	Thông qua quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử	Ban kiểm phiếu
10h05 – 10h15	Thông qua danh sách ứng cử thành viên HĐQT bổ sung nhiệm kỳ 2016 – 2020, tiến hành bầu cử	Ban kiểm phiếu
10h15 – 10h30	Nghỉ giải lao	
10h30 – 11h30	Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến	Đoàn Chủ tịch
11h30 – 11h40	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và các tờ trình của HĐQT	Đoàn Chủ tịch
11h40 – 11h45	Đọc kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu

11h45 – 11h50	Đọc kết quả bầu cử	Ban kiểm phiếu
11h50 – 12h00	Ban thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội. Thông qua nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
12h00	Bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tịch

QUY CHẾ ĐIỀU HÀNH

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung lần thứ tám và thông qua ngày 5 tháng 5 năm 2018.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (gọi tắt là Công ty).
- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II

THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.
- Ban thư ký Đại hội gồm 02 người.
- Tổ kiểm phiếu biểu quyết gồm 09 người.
- Ban kiểm phiếu bầu cử gồm 06 người.

Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội. Số liệu này được căn cứ theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 212/2020-LCG/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập và cấp ngày 18/03/2020.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 12 người (do Ban tổ chức Đại hội phân công).

- Đại biểu khách mời đại diện cho Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM và các Sở - Ban ngành khác.



Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông

- Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.
- Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông (trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền, không được ủy quyền cho người thứ ba).
- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có nghĩa vụ đăng ký với ban kiểm tra tư cách cổ đông, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

4.1. Chủ tọa có trách nhiệm:

- Chủ trì và điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số;
- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn của các cổ đông, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

4.2. Chủ tọa có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu Ban tổ chức Đại hội trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp;
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - + *Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.*
 - + *Cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp có hành vi cản trở, gây mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách dân chủ và hợp pháp...*

- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.
- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo và công bố dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Công bố thông tin Biên bản họp và nghị quyết theo qui định.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- Hướng dẫn thủ tục biểu quyết, theo Quy chế làm việc của Đại hội.
- Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết, các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc có sự khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Tổ chức thẩm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, lập Biên bản và công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.

Điều 8. Trật tự của Đại hội

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuyệt đối tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí ngồi của Ban tổ chức.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu diễn ra Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội chỉ được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đạt ít nhất 51% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



Chương IV

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2019 và mục tiêu hoạt động năm 2020
- Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2020
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
- Miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020
- Phân phối lợi nhuận, mức cổ tức 2019 và kế hoạch năm 2020
- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2019 và đề xuất mức thù lao năm 2020
- Thông qua sửa đổi điều lệ công ty
- Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2020
- Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2020
- Các vấn đề quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn trình bày ý kiến có thể ghi vào phiếu ý kiến mà Công ty đã phát kèm tài liệu khi tham dự Đại Hội. Các ý kiến sẽ chuyển đến Ban Thư ký để chuyển đến Đoàn Chủ tọa.

Điều 12. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

12.1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, mỗi cổ đông được cấp một hoặc một số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số lượng cổ phần sở hữu và có đóng dấu treo của Công ty.

12.2. Hình thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền biểu quyết các nội dung trong trương trình Đại hội theo hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội:

- + Thông qua Đoàn chủ tịch và Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
- + Thông qua Quy chế điều hành Đại hội; và các Quy chế khác (nếu có).
- + Thông qua các nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội.
- + Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.

12.3. Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội:

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một quyền biểu quyết.

Điều 13. Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội

- Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản Đại hội.
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội: Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu, Ban thư ký tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- Tất cả những vấn đề khác không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được công bố trước Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2016 – 2020

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên bổ sung Hội đồng quản trị bầu cử nhiệm kỳ 2016 – 2020: 03 thành viên

- Thời gian và địa điểm thực hiện bầu: tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Hướng dẫn về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị: được Hội đồng quản trị Công ty thông báo và đăng tải trên website Công ty (<http://licogi16.vn>). Quý cổ đông xin vui lòng xem kỹ Hướng dẫn đề cử, ứng cử này để thực hiện quyền đề cử, ứng cử là thành viên bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020 một cách phù hợp và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

- Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: được Hội đồng quản trị Công ty công bố, đăng tải trên website của Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI ĐƯƠNG HÙNG

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

**QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016 – 2020**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán 2006 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 16.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần LICOGI 16 tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ III (2016 - 2020) theo các quy định sau:

Điều 1: Các quy định chung

1. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thực hiện theo nguyên tắc: bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
2. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014 và Khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.
3. Đối tượng có quyền bầu cử bao gồm các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong **Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ**.
4. Ngày lập **Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ**: ngày 16 tháng 3 năm 2020.
5. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu thành viên HĐQT với các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:
 - Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và được đề cử vào HĐQT để thông qua tại Đại hội.
 - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
 - Giải quyết các khiếu nại (nếu có) về bầu thành viên HĐQT.



Điều 2: Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn được ứng cử, đề cử vào HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 03 (ba) thành viên.
2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 3: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên.
 - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên.
 - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên.
 - Từ 40% đến dưới 40% được đề cử tối đa 04 ứng viên.
 - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.
 - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên.
 - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên.
 - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.
2. Trường hợp số ứng cử viên HĐQT được cổ đông hoặc nhóm cổ đông (Khoản 1 Điều này) đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào vị trí thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:
 - Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT (*theo mẫu Công ty*), hoặc Biên bản họp nhóm (nếu nhóm cổ đông đề cử).
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (*theo mẫu Công ty*).
 - Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên.
 - Tài liệu chứng minh người ứng cử hoặc đề cử sở hữu cổ phiếu LCG trong vòng 6 tháng liên tục.
2. Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 12h00' ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo địa chỉ sau đây:
 - Địa chỉ: Công ty Cổ phần Licogi 16, 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
 - Điện thoại: (84) 028 38411375 Fax: (84) 028 38411376

3. Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Đối với trường hợp đề cử cần phải ghi rõ cổ đông/ nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phiếu của cổ đông/ nhóm cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử và người được đề cử (*theo mẫu Công ty kèm theo Hướng dẫn này*).
4. Chỉ những hồ sơ ứng cử/ đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định thì mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5: Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu

1. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu gồm 04 (bốn) người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử vào HĐQT.
2. Nhiệm vụ của Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu:
 - Công bố tại Đại hội, giải thích, hướng dẫn cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông về Quy chế bầu thành viên HĐQT.
 - Phát phiếu bầu cho cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - Tổ chức kiểm phiếu.
 - Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội đồng cổ đông.
 - Cùng Chủ tọa Đại hội giải quyết các khiếu nại liên quan tới việc bầu thành viên HĐQT (nếu có).
3. Các nguyên tắc làm việc của Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu:
 - Tuân thủ Quy chế này;
 - Thận trọng, trung thực, công bằng, khách quan, minh bạch.
4. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

Điều 6: Thủ tục, trình tự bầu thành viên HĐQT

1. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử tại Đại hội và phát một (01) “**phiếu bầu HĐQT**” cho mỗi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
2. Khi được phát Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu bầu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu bầu không bằng với tổng số cổ phần của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó sở hữu/ đại diện, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu để được kiểm tra lại và xử lý kịp thời.
3. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông lựa chọn các ứng cử viên mình tin nhiệm để bầu trong danh sách các ứng cử viên đã ghi sẵn trên mỗi phiếu bầu và thực hiện bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại **Điều 8** Quy chế này.
4. Trong trường hợp viết sai trên Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông không được tẩy xóa mà phải đề nghị Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu mới.
5. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoàn tất việc điền vào Phiếu bầu, ký tên trên Phiếu bầu và bỏ vào Hòm phiếu do Ban Tổ chức Đại hội chuẩn bị sẵn.

Điều 7: Phiếu bầu thành viên HĐQT

1. Phiếu bầu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành và bao gồm các nội dung, đặc điểm sau:
 - a. Thông tin về cổ đông và cổ phần: Mã cổ đông; Tên cổ đông; Số cổ phần sở hữu; Số cổ phần được ủy quyền; cổ đông đại diện sở hữu; Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền; Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết.
 - b. Danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT.
 - c. Được đóng dấu treo của Công ty (đóng dấu ở phía trên, bên góc trái của phiếu).
2. Phiếu bầu không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu và không được tính vào kết quả bầu cử. Các Phiếu bầu không hợp lệ bao gồm:
 - a. Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu treo của Công ty.
 - b. Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
 - c. Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT theo quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
 - d. Phiếu bầu ghi thêm tên những người ngoài danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
 - e. Phiếu bầu có tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn lớn hơn tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông.
 - f. Phiếu bầu nộp cho Ban bầu cử kiểm Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc vào hòm phiếu đã được niêm phong.
 - g. Phiếu bầu thiếu chữ ký hợp lệ của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc có chữ ký nhưng không hợp lệ, không được ký bởi cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - h. Phiếu bầu không sử dụng một trong hai phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 8 hoặc sử dụng cả hai phương thức đó.

Điều 8: Phương thức bầu dồn phiếu

1. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức bầu dồn phiếu sau đây:
 - a. **Cách 1:** Bầu dồn đều phiếu cho các ứng cử viên.
Theo phương thức này, cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu gạch chéo (X) vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 1: Bầu dồn đều”.
Cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn (x) số thành viên được bầu HĐQT.
 - b. **Cách 2:** Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên.
Theo phương thức này, cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 2: Bầu phân bổ”.
Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc sự tín nhiệm của cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.
2. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo Phiếu bầu là hợp lệ.
3. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông.

4. Mỗi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT.
5. Ví dụ minh họa:
- Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu bổ sung ba (03) số thành viên HĐQT, có 04 ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT.
 - Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần.
 - Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn T là: $1.000 \times 3 = 3.000$ phiếu bầu.
 - Cổ đông Nguyễn Văn A có quyền lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu và điền như sau để đảm bảo tính hợp lệ của Phiếu bầu:

Cách 1: Bầu dồn đều (chọn 03 số thành viên được bầu HĐQT)

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu X)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input checked="" type="checkbox"/>	
04	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	

Hoặc

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	
04	Ứng viên 4	<input checked="" type="checkbox"/>	

Cách 2: Bầu phân bổ

Trường hợp 1: Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	1.000
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	2.000
04	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	

Trường hợp 2: Bầu dồn hết phiếu cho một ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	3.000
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	
04	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	

Điều 9: Kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được thực hiện ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/ hoặc Chủ tọa Đại hội.
2. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu kiểm đếm toàn bộ Phiếu bầu được bỏ vào Hòm phiếu, xác định số phiếu hợp lệ và không hợp lệ theo quy định, thống kê số lượng phiếu bầu cho từng ứng cử viên theo từng Phiếu bầu để tổng hợp kết quả kiểm phiếu.
3. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Trưởng Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đọc Biên bản này ngay tại Đại hội.
4. Sau khi công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu, Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu niêm phong toàn bộ Phiếu bầu đã được kiểm đếm và bàn giao Biên bản này cùng với các Phiếu bầu (đã được niêm phong) cho Thư ký Đại hội.
5. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm tra Phiếu bầu thành viên HĐQT nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

Điều 10: Điều kiện trúng cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT tính tên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và được nhiều phiếu hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao đến thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định.
2. Căn cứ và số lượng thành viên quy định cho HĐQT, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên theo quy định.
3. Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

Điều 11: Các quy định khác

1. Mọi cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc bầu thành viên HĐQT.
2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban Bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.
3. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2020.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu hồ sơ ĐHCĐ 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

BUI DUONG HUNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2016 – 2020**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*

Tương ứng: % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần LICOGI 16 cho tôi được đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2016 – 2020 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng cảm ơn.

Người được đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng năm 2020

Người đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh người đề cử sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

Đơn đề cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 26/05/2020.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2016 – 2020**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*

Trương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần LICOGI 16 cho tôi được tự ứng cử vào HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2016 – 2020 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm 2020

Người ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh người ứng cử sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

Đơn ứng cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 26/05/2020.

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:cổ phần (*Bảng chữ*

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Làm ứng viên tham gia HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2016 – 2020 trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../2020 tại

Người được đề cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện nhóm cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh cổ đông sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 26/05/2020.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên :
2. Giới tính :
3. Số CMND/CCCD : Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngày sinh :
5. Quốc tịch :
6. Dân tộc :
7. Nơi sinh :
8. Địa chỉ thường trú :
9. Chỗ ở hiện tại :
10. Trình độ chuyên môn :
11. Quá trình công tác:

Từ năm ... đến năm ...	Đơn vị công tác	Chức vụ

12. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty :
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :
14. Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ : cổ phần
15. Số lượng cổ phần của người có liên quan : Có/ Không
16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Có/ Không
17. Các khoản nợ đối với Công ty : Có/ Không
18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Có/ Không
19. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Có/ Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

, ngày tháng năm
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CÔNG TY
CỔ PHẦN LICOGI 16

Số/No.: 167 /LICOGI16-CN&TT

TPHCM, ngày 01 tháng 4 năm 2020
Hoachiminh City, day 01 month 4 year 2020

TÓM TẮT SỞ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 16/03/2020 ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ ĐHĐCĐ 2020
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON 16/03/2020 FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING THE RIGHTS
TO ATTEND THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2020

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng Subject	Số lượng cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
1	Cổ đông Nhà nước/The State as shareholder	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	48.416.833	46,16	5	2	3
	- Nước ngoài/ Foreign	18.920.013	18,04	3	-	3
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	29.496.820	28,12	2	2	-
	- Trong nước/Domestic	7.087	0,01	1	1	-
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	7.087	0,01	1	1	-
	- Trong nước/Domestic	7.087	0,01	1	1	-

	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	2.000.338	1,91	1	1	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	-	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác/ Other shareholders	54.475.035	51,93	3.657	58	3.599	3.599
	- Trong nước/ Domestic	51.189.394	48,80	3.594	45	3.549	3.549
	- Nước ngoài/Foreign	3.285.641	3,13	63	13	50	50
	TỔNG CỘNG/ TOTAL	104.899.293	100,00	3.664	62	3.602	3.602
	<i>Trong đó: - Trong nước/Domestic</i>	<i>72.116.832</i>	<i>68,75</i>	<i>3.599</i>	<i>47</i>	<i>3.552</i>	<i>3.552</i>
	- Nước ngoài/Foreign	<i>32.782.461</i>	<i>31,25</i>	<i>65</i>	<i>15</i>	<i>50</i>	<i>50</i>

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTKCKN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	Đối tượng Subject	Số lượng cổ phiếu Number of Share	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Số lượng cổ đông Number of Shareholders	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTKCKN/ Major Shareholders (excluding Professional investors)	18.920.013	18,04	3	-	3
	- Trong nước/ Domestic	18.920.013	18,04	3	-	3
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
2	NĐTKCKN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital	29.496.820	28,12	2	2	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	29.496.820	28,12	2	2	-
3	NĐTKCKN là cổ đông sở hữu < 5% VDL Professional investors which hold share in an amount under 5 % of the paid-up capital	5.971.367	5,69	50	50	-
	- Trong nước/ Domestic	3.589.010	3,42	37	37	-
	- Nước ngoài/ Foreign	2.382.357	2,27	13	13	-
	TỔNG CỘNG/ Total	54.388.200	51,85	55	52	3

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

Đối tượng <i>Subject</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng <i>Number of transfer restriction shares</i>	Số lượng CP chuyển nhượng tự do <i>Number of free transfer shares</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>		13.436.154	13.436.154	12,81
II. Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury stocks</i>		2.000.338	2.000.338	1,91
III. Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>		7.087	7.087	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Shareholders own preferred stocks (If any)</i>		-	-	-
V. Cổ đông khác/ <i>Other Shareholders</i>		89.455.714	89.455.714	85,27
I. Trong nước/ <i>Domestic</i>		56.725.753	56.725.753	54,07
1.1 Cá nhân/ <i>individual</i>		51.803.537	51.803.537	49,37
1.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>		4.922.216	4.922.216	4,70
- Trong đó Nhà nước/ <i>State</i>				
Shareholders:				
2. Nước ngoài/ <i>Foreign</i>		32.729.961	32.729.961	31,20
2.1 Cá nhân/ <i>Individual</i>		850.784	850.784	0,81
2.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>		31.879.177	31.879.177	30,39
TỔNG CỘNG/TOTAL:		104.899.293	104.899.293	100,00

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/ individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID/Passport number	Ngày cấp Date of issue	Địa chỉ Place of issue	Số lượng cổ phiếu/ Number of stock	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**) Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A							
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Bùi Dương Hùng	011536707	25/02/2012	A4 khu Licogi 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	6.012.546	5,73	
2	Phan Ngọc Hiếu	182004567	04/04/2016	09 Khu biệt thự Vườn Mai, ECOPARK, Hưng Yên	6.022,510	5,74	
3	Nguyễn Văn Nghĩa	130149322	21/11/2005	Công Ty Cổ Phần Gạch Men Tasa, KCN Thủy Vân, Xã Thủy Vân, Việt Trì, Phú Thọ	6.884.957	6,56	
4	LUCERNE ENTERPRISE LTD	CA6184	28/03/2013	Portcullis TrustNet Chambers, P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	21.112.297	20,13	
5	NS ADVISORY INC PTE.LTD	200706831G	20/04/2017	16 Collyer Quay, level 20, suite 15 Income at Raffles,	8.384.523	7,99	

STT	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ <i>ID/Passport number</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Địa chỉ <i>Place of issue</i>	Số lượng cổ phiếu/ <i>Number of stock</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Proportional ownership (%)</i>	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**) <i>Number of transfer restriction shares</i>
No				Singapore			
Tổng Cộng B/ Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)							
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					48.416.833	46,16	

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		6.012.546	6.012.546	5,73
2	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		6.022.510	6.022.510	5,74
3	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		52.500	52.500	0,05
4	Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc		660.712	660.712	0,63
5	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng giám đốc – Người được UQ CBTT		605.986	605.986	0,58
6	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc		37.800	37.800	0,04
7	Trần Hữu Phong	Phó Tổng giám đốc		0	0	0,00
8	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		18.900	18.900	0,02
9	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	TV Ban KTNB		25.200	25.200	0,02
TỔNG CỘNG/ TOTAL:					13.436.154	12,81

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Authorized person to disclose information



LÊ THỊ PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019 & MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2019, phương hướng nhiệm vụ của năm 2020.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019

I/ Cơ cấu, các quyết định và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

1. Cơ cấu thành viên và phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty của LICOGI 16 có 05 thành viên. Bà Đinh Thị Hiền nộp đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT và được miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 27/06/2019. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên không điều hành bao gồm 02 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty; theo dõi sát sao tình hình hoạt động của công ty để đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, đồng thời kiểm soát việc thực thi của Ban giám đốc để bảo vệ quyền lợi chung của Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tổ chức 11 cuộc họp chính vào các ngày 18/01/2019, 04/04/2019, 03/05/2019, 27/06/2019, 29/07/2019, 28/08/2019, 20/09/2019, 03/10/2019, 01/11/2019, 06/12/2019 và 10/12/2019, theo đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng Quản trị thông qua.

3. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã được ban hành:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-LICOGI16-HĐQT	18/01/2019	Nghị quyết của HĐQT về miễn nhiệm chức vụ GD Tài chính của Bà Đinh Thị Hiền
2	03/NQ-LICOGI16-HĐQT	18/02/2019	Nghị quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2019
3	06/NQ-LICOGI16-HĐQT	12/04/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua việc tiếp tục thi công tuyến ống phía nam theo yêu cầu của CĐT Nhà máy nước Phú Ninh, Quảng Nam; hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP LICOGI 16 M&C.



4	09/NQ-LICOGI16-HĐQT	24/04/2019	Nghị quyết HĐQT về cử người đại diện vốn tại LICOGI 166, miễn nhiệm GD Kinh tế - Kế hoạch, thông qua chủ trương thoái vốn khỏi LICOGI 166.
5	10/NQ-LICOGI16-HĐQT	07/05/2019	Nghị quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2019
6	12/NQ-LICOGI16-HĐQT	20/06/2019	Nghị quyết HĐQT về chuyển nhượng 30% vốn điều lệ tại Công ty CP Cấp nước KTT Đông Nam Quảng Trị cho Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16; thống nhất mua thêm phần vốn góp tại một công ty.
7	13/NQ-LICOGI16-HĐQT	27/06/2019	Nghị quyết HĐQT về lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
8	16/NQ-LICOGI16-HĐQT	29/07/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua phương án xử lý số cổ phiếu còn dư do cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền mua; thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
9	18/NQ-LICOGI16-HĐQT	28/08/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua tăng tỷ lệ vốn góp vào Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16; tham gia góp vốn thành lập: Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1, Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2; cử người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn góp tại Công ty CP BOT 38.
10	21/NQ-LICOGI16-HĐQT	20/09/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền; phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.
11	22/QĐ-LICOGI16-HĐQT	01/11/2019	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm ông Trần Hữu Phong giữ chức vụ Giám đốc Kinh tế Kế hoạch.
12	23/QĐ-LICOGI16-HĐQT	06/12/2019	Quyết định HĐQT về việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Công ty; điều chỉnh chức danh Giám đốc khỏi thành Phó Tổng giám đốc.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 2019

Stt	Chủ trương thông qua của ĐHĐCĐ 2019	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	Doanh thu hợp nhất đạt 93% và lợi nhuận hợp nhất đạt 96% so với kế hoạch
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
3	Chọn Công ty Kiểm toán	Hoàn thành
4	Chia cổ tức 2018 là 12%	Thực hiện chi 7% bằng TM và 5% cổ phiếu
5	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Không hoàn thành. Cổ đông chỉ đăng ký mua 2.407 cổ phiếu.
6	Phát hành trái phiếu tăng vốn điều lệ	Không hoàn thành.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng định hướng chiến lược 2016 – 2020 mà Đại hội đồng cổ đông 2016 đã thông qua và điều chỉnh tại Đại hội cổ đông năm 2019 như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Đối với mảng xây dựng:

Năm 2019, hoạt động của ngành Xây dựng gặp nhiều khó khăn, trong đó chủ yếu là nguồn vốn từ tín dụng, do đó, doanh nghiệp xây dựng vẫn rất cần các giải pháp nguồn vốn phát triển bền vững ngành Xây dựng vì phần lớn các doanh nghiệp trong ngành Xây dựng phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn đi vay, chủ yếu là từ ngân hàng. Thuận lợi nhất là tốc độ đô thị hóa nhanh trong tương lai sẽ là nền tảng để tăng trưởng cho ngành Xây dựng.

Đóng góp vào doanh thu xây dựng của LICOGI 16 năm 2019 có thể kể đến doanh thu lớn của nhóm dự án bất động sản với 484 tỷ đồng đến từ 2 dự án Khu dân cư Hiệp Thành (24 tỷ) và Khu dân cư Long Tân (460 tỷ) và nhóm dự án năng lượng tái tạo với tổng doanh thu là 526 tỷ đồng với các dự án Điện mặt trời Nhon Hải, Mỹ Sơn 1, Mỹ Sơn 2.

Năm 2019, Công ty tập trung tối đa nguồn lực để tìm kiếm công việc trong lĩnh vực Xây dựng, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng, năng lượng tái tạo, tăng cường đầu tư đồng bộ, hiện đại máy móc thiết bị, khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp lớn thi công hạ tầng giao thông và nâng tầm thành vị thế tổng thầu EPC.

b. Đối với lĩnh vực bất động sản:

LICOGI 16 tập trung đầu tư, kinh doanh các dự án hiện hữu:

KDC Long Tân, TP. Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai. Đối với dự án Khu dân cư Long Tân 50ha và 27ha tại Nhon Trạch, Đồng Nai.

Khu đô thị Nam Phương, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đang hoàn thiện thủ tục cấp sổ cho khách hàng. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho khu 3,4ha, sau khi hoàn thiện sẽ tiếp tục triển khai kinh doanh.

Dòng thu của bất động sản liên tục, tập trung số lượng lớn đã hỗ trợ cho dòng tiền hoạt động chung của Công ty trong những lúc thiếu hụt về dòng tiền.

c. Đối với lĩnh vực đầu tư:

Về hạ tầng giao thông: đầu tư 19,5% vốn cổ phần trong Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn với tổng giá trị đã đầu tư là 378,447 tỷ đồng, 30% vốn điều lệ Công ty CP BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị với tổng giá trị đã đầu tư 180 tỷ/280 tỷ.

Về dự án ngành nước, hiện tại nguồn vốn đầu tư cho các dự án NMN Phú Ninh, Cần Thơ, An Khê, Đankia, và Đông Nam Quảng Trị khoảng 200 tỷ đồng.

Mảng năng lượng tái tạo, LICOGI 16 đang đầu tư và đề xuất các dự án điện mặt trời có tổng công suất đến 370MWp như Solar Chư Ngọc, Solar Bình Thuận... Về điện gió có dự án Pleiku 100MWp, Hướng Hóa - Quảng Trị 100MWp. Tổng mức đầu tư lên đến hơn 12.000 tỷ đồng.

2. Công tác tài chính

Năm 2019, HĐQT điều hành dòng tiền linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động Công ty diễn ra suôn sẻ và liên tục. Tối ưu hóa dòng tiền, tích cực bám sát thị trường tài chính để tìm kiếm nguồn vốn với chi phí rẻ giảm chi phí lãi vay.

Về chi trả cổ tức 2019: Năm 2019, đã hoàn tất việc chi trả cổ tức 12% với tỷ lệ 7% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu.

3. Trách nhiệm môi trường và xã hội

LICOGI 16 tham gia vào các dự án các dự án phát triển ngành công nghiệp điện năng không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày một đi lên mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp khi khai thác các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

Công ty không ngừng nhận chuyển giao các máy móc, thiết bị thi công với công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đảm bảo dây chuyền thi công hạ tầng giao thông được đồng bộ, hiện đại bậc nhất khu vực gồm dàn máy rải base và thảm, dây chuyền lu và các nhà máy BTNN, máy nghiền sàng đá. Năm 2019, LICOGI 16 đã đầu tư 10 thiết bị các loại với tổng giá trị gần 45 tỷ đồng. Đây cũng là việc thể hiện mối quan tâm của doanh nghiệp đến môi trường khi hạn chế lượng khí thải trong vận hành ra môi trường hay giảm thiểu lượng sản phẩm không đạt yêu cầu sản xuất.

LICOGI 16 chú trọng công tác nguồn nhân lực đủ “chất” cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng là tôn chỉ cho trách nhiệm với người lao động, góp phần đảm bảo công ăn việc làm cho xã hội. Làm sao xây dựng đội ngũ nhân sự hiệu quả trong công tác, đảm bảo người lao động được bố trí đúng năng lực và thu nhập của người lao động tương xứng với hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào thành quả của Công ty.

4. Về công tác thay đổi mô hình tổ chức Công ty và tăng cường công tác giao quyền tự chủ cho các đơn vị sản xuất

LICOGI 16 đang dần hoàn thiện mô hình Holdings, hoạt động trong 5 lĩnh vực gồm Hạ tầng Giao thông, Bất động sản, Hạ tầng tiện ích Nước, Hạ tầng Năng lượng tái tạo và Tổng thầu Xây dựng.

Các công ty con chuyên ngành đã thành lập:

- CT CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16 (LCG nắm 75% VCSH)
- CT CP Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16 (LCG nắm 95% VCSH)
- CT CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCG nắm 97% VCSH)
- CT CP Bất động sản LICOGI 16 (LCG nắm giữ 95% VCSH)

III. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2019, đại hội đã thông qua thù lao đối với HĐQT, Ban thư ký LICOGI 16 là 0,2% doanh thu thuần hợp nhất và trích Quỹ thưởng HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế.

Thực tế, đã chi trả ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao trong năm 2019 cho HĐQT và Ban thư ký là 3.391.647.880 đồng. Thưởng cho HĐQT chưa chi và đề nghị không chi do lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT, chủ động triển khai kế hoạch SXKD, tổ chức thực hiện một cách tích cực nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Những nỗ lực vượt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh vừa qua của Ban Giám đốc là thành quả đáng được ghi nhận.
- Trong năm, Ban Giám đốc thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, giao khoán tới cho các công trường giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo thuận lợi cho việc kết nối nhanh chóng giữa các ban điều hành và văn phòng Công ty.
- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, chăm lo tốt đời sống người lao động; chủ động tổ chức đánh giá khó khăn, thuận lợi trong hoạt động SXKD hàng năm, chỉ rõ những hạn chế và tồn tại nhằm tìm giải pháp khắc phục.
- HĐQT ghi nhận nỗ lực cố gắng toàn thể Ban Giám đốc, CBCNV toàn Công ty, dù không đạt được kết quả như kỳ vọng nhưng có thể chấp nhận với tình hình khó khăn của năm 2019.

0209.
TY
HÂN
GI 10
T.P HỒ

**V. THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ THEO DANH SÁCH CHÓT
NGÀY 16/03/2020**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		6.012.546	6.012.546	5,73
2	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		6.022.510	6.022.510	5,74
3	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		52.500	52.500	0,05
4	Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc		660.712	660.712	0,63
5	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng giám đốc – Người được UQ CBTT		605.986	605.986	0,58
6	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc		37.800	37.800	0,04
7	Trần Hữu Phong	Phó Tổng giám đốc		0	0	0,00
8	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		18.900	18.900	0,02
9	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	Thành viên ban KTNB		25.200	25.200	0,02
TỔNG CỘNG				13.436.154	13.436.154	12,81

B. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

LICOGI 16 vẫn tiếp tục thực hiện theo định hướng chiến lược 2016 – 2020 đã được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua, cụ thể:

- Đối với Bất động sản, tiếp tục triển khai dự án Điền Phước, nhà ở xã hội Nghi Sơn, Long Tân, 3,4ha dự án Bảo Lộc (Lâm Đồng), dự án lấn biển 550ha Hậu Lộc.
- Cấu trúc lại ngành tiện ích, đặc biệt ngành nước theo hướng thoái vốn những dự án không hiệu quả.
- Phát triển ngành năng lượng với vai trò phát triển dự án và đầu tư xây dựng.
- Tiếp tục định hướng là tổng thầu các công trình xây dựng.
- Xây lắp và phát triển thị trường bê tông nhựa. Phát triển thị trường bê tông nhựa trên cơ sở 3 trạm hiện hữu và XNVLXD.
- Tham gia các dự án trọng điểm quốc gia và các dự án từ danh mục đầu tư.
- Phát huy năng lực lõi ngành hạ tầng giao thông với vai trò tổng thầu cho các dự án trọng điểm quốc gia.
- Cùng với đó là chiến lược tái cấu trúc với các nội dung: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự theo hướng dựa trên khối lượng và kết quả công việc thực hiện, đánh giá và sắp xếp nguồn nhân lực và xây dựng, củng cố nền tảng cho tăng trưởng. Tiếp tục rà soát hoạt động công ty con, công ty liên kết và kiên quyết thoái vốn khỏi các công ty không hoạt động hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ Công ty năm 2020.
Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo và bất ổn do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp.

Trong khi đó, kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt được mức tăng trưởng ấn tượng với Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,02%, vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Mức tăng tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2017. Trong năm qua, lĩnh vực xây dựng duy trì đà tăng trưởng với mức tăng trưởng 9,1%, đóng góp 0,66% vào mức tăng chung trong nhóm ngành công nghiệp và xây dựng.

Đối với Công ty Cổ phần LICOGI 16, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính so với kế hoạch đặt ra như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH:

Số liệu thực hiện năm 2019 trên cơ sở Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ và hợp nhất, thông tin tóm tắt như sau:

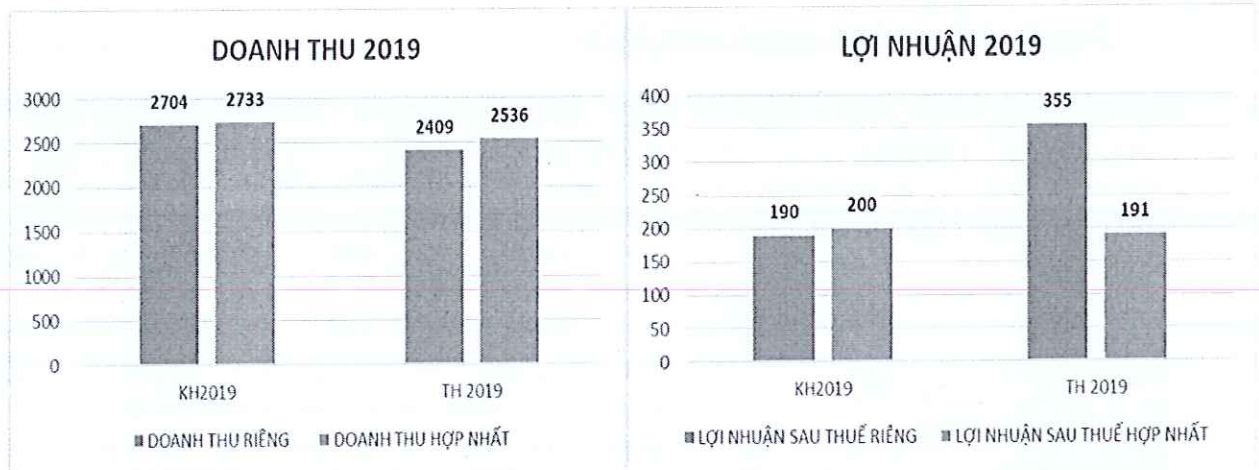
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2019	Năm 2018	Tăng trưởng	Năm 2019	Năm 2018	Tăng trưởng
A. Kết quả kinh doanh						
Doanh thu thuần	2.409	1.841	31%	2.536	2.501	1%
LN sau thuế	355	74	380%	193	182	5%
LN thuộc về Cổ đông công ty mẹ	355	74	480%	191	164	116%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.448	756	456%	1.672	1.565	107%
B. Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	4.740	4.206	13%	4.719	4.229	12%
Tài sản ngắn hạn	3.028	2.580	17%	3.252	2.916	12%
Tài sản dài hạn	1.712	1.626	5%	1.466	1.313	12%
Tổng nguồn vốn	4.740	4.206	13%	4.719	4.229	12%
Nợ phải trả	3.193	2.934	9%	3.131	2.757	14%
Vốn chủ sở hữu	1.547	1.272	22%	1.587	1.472	8%
C. Chỉ tiêu tài chính						
LN/ Tổng tài sản (ROA)	7,5%	1,8%	5,7%	4,0%	4,3%	-0,3%
LN Vốn chủ sở hữu (ROE)	22,9%	5,8%	17,1%	12,1%	12,4%	-0,3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18,2%	8,7%	9,5%	18,1%	13,0%	5,1%
Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,7	0,7	0%	0,66	0,65	1,5%

1. Đánh giá khái quát:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH năm 2019	Tỷ lệ TH/KH (năm 2019)	TH năm 2018	Tỷ lệ TH2019/TH2018
Báo cáo riêng					
Doanh thu riêng	2.409	2.704	89%	1.841	131%
LN sau thuế riêng	355	190	187%	74	480%
Báo cáo hợp nhất					
Doanh thu HN	2.536	2.733	93%	2.501	101%
LN sau thuế HN	191	200	96%	182	105%

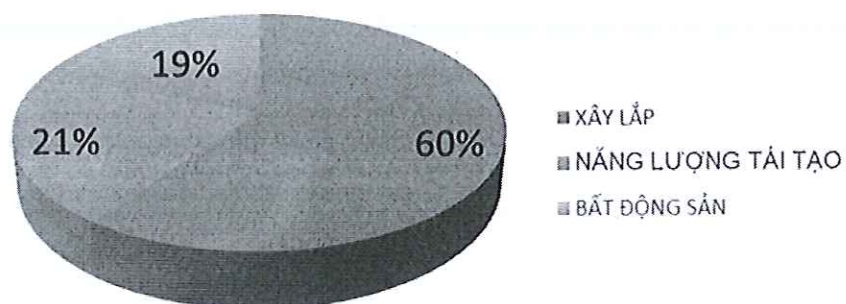


Cơ cấu doanh thu:

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	TH năm 2019	Tỷ trọng	KH năm 2019	Tỷ lệ TH/KH (năm 2019)
Hoạt động xây lắp (1)	1.526	60%	2.115	72%
Bắc Giang Lạng Sơn	733			
Đường đua F1	121			
Trường CD GTVT	75			
Xí nghiệp Vật liệu	28			
Tây Mỗ	233			
Phú Ninh	21			
Cần Thơ	12			
LICOGI 16 EVN	152			
Công ty XD&TM 12	130			
Công ty Licons	21			
Năng lượng tái tạo (2)	526	21%	263	200%
Solar Nhơn Hải	286			
Solar Mỹ Sơn 1	101			
Solar Mỹ Sơn 2	139			
Hoạt động Bất động sản (3)	484	19%	355	137%
Đất nền Hiệp Thành	24			
Long Tân	460			
Hoạt động bán hàng (4)	-			
Tổng cộng (1+2+3+4)	2.536	100%	2.733	93%

Ghi chú: Doanh thu Không bao gồm Doanh thu từ Hoạt động tài chính và Khác.



• **Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019:**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	2.409	438	2.536	460
Hoạt động xây lắp & năng lượng tái tạo	1.948	134	2052	191
Hoạt động Bất động sản	461	304	484	269
Hoạt động bán hàng	-	-	-	-
Dịch vụ khác	-	-	-	-
Hoạt động tài chính	203	87	48	(68)
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	41	10	42	6
Hoạt động tài chính khác và lãi vay	162	77	6	(62)
Thu nhập khác	7	0	8	(2)
Chi phí bán hàng		(57)		(52)
Chi phí QLDN		(56)		(73)
LN Công ty LDLK				(9)
LN trước thuế		412		256
Thuế TNDN		(57)		(62)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(3)
LN sau thuế		355		191

• **Báo cáo tại Công ty mẹ:**

– Doanh thu thực hiện: 2.409 tỷ đồng, đạt 131% so với cùng kỳ (1.841 tỷ đồng) và đạt 89% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.704 tỷ đồng).

Trong đó:

❖ **Hoạt động Xây lắp & Năng lượng tái tạo:** Doanh thu là 1.948 tỷ đồng, đạt 106% so với cùng kỳ (1.841 tỷ đồng).

❖ **Hoạt động Bất động sản:** Doanh thu là 461 tỷ đồng

❖ **Lợi nhuận sau thuế:** 355 tỷ đồng, đạt 480% so với cùng kỳ (74 tỷ đồng) và đạt 187% so với kế hoạch ĐHCĐ (190 tỷ đồng).

• **Báo cáo hợp nhất:**

– Doanh thu thực hiện: 2.536 tỷ đồng, đạt 101% so với cùng kỳ (2.501 tỷ đồng) và 93% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.733 tỷ đồng).

Trong đó:

❖ **Hoạt động xây lắp & Năng lượng tái tạo:** Doanh thu là 2.052 tỷ đồng, đạt 112% so với cùng kỳ (1.837 tỷ đồng) và đạt 86% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.378 tỷ đồng).

❖ **Hoạt động Bất động sản:** Doanh thu là 484 tỷ đồng, đạt 80% so với cùng kỳ (610 tỷ đồng) và đạt 137% so với kế hoạch ĐHCĐ (355 tỷ đồng).

❖ **Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (Công ty mẹ):** 191 tỷ đồng, đạt 105% so với cùng kỳ (182 tỷ đồng) và 96% so với kế hoạch ĐHCĐ (200 tỷ đồng).

• **Các yếu tố ảnh hưởng đến Doanh thu thực hiện so với hoạch định:**

Doanh thu tại báo cáo riêng chưa đạt kế hoạch ĐHĐCĐ, chủ yếu do:

❖ 20% doanh thu kế hoạch đến từ các dự án Bãi đỗ xe Thủ Lệ, Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng và Tân Thanh – Cốc Nam chưa kịp triển khai do thủ tục pháp lý dự án chưa hoàn chỉnh và nguồn vốn thu xếp cho dự án chưa có.

❖ Tín dụng của một số các dự án bị vướng mắc hoặc chậm dẫn đến không có đủ nguồn vốn để triển khai thi công dự án theo đúng tiến độ kế hoạch như Nhà máy nước Phú Ninh, Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kông.

❖ Các dự án nhà máy nước đang đầu tư hoặc đã đi vào hoạt động như Nhà máy nước An Khê, Đankia, Phú Ninh, Sài Gòn – Mê Kông, Dự án cấp nước Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị hầu hết đều bị phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ, đầu ra trong giai đoạn đầu chưa có đủ, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, các khoản đầu tư phải chấp nhận rủi ro cao, thời gian hoàn vốn lâu.

2. Đánh giá từng hoạt động thực hiện năm 2019:

a. Hoạt động xây lắp:

➤ **Những điểm nổi bật:**

- Dự án cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn chính thức thông xe.
- Hoàn thành đúng tiến độ dự án Đường đua F1, nâng tầm thương hiệu LICOGI16.
- Dự án Trạm tăng áp Tây Mỗ chính thức phát nước thương mại.
- Thể hiện tốt vai trò tổng thầu trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông, được Chủ đầu tư đánh giá cao và tạo điều kiện tiếp tục tham gia các gói thầu khác của dự án.
- Tiếp cận các thiết bị, công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông khi hoàn thiện việc chuyển giao vận hành hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại bậc nhất khu vực gồm dàn máy rải base và thảm, dây chuyên lu và các Nhà máy BTNN, máy nghiền sàng đá.
- Xây dựng đội ngũ nhà cung cấp chiến lược có dịch vụ tốt cho các vật liệu chính và các nhà thầu phụ có năng lực tài chính và năng lực thi công tốt song hành với Công ty tại các dự án.
- Trẻ hóa đội ngũ nhiệt huyết với Công ty và có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc trong lĩnh vực Xây dựng.

➤ **Những hạn chế và giải pháp khắc phục:**

- Công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ còn chậm trễ do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan: Quy trình quyết toán, cơ chế quản lý năng lực tài chính của Chủ đầu tư
 - ⇒ Giải pháp được đưa ra là các dự án đều phải có bộ phận nội nghiệp chuyên trách và gắn trách nhiệm đối với từng Ban điều hành trong công tác thanh toán quyết toán, thu hồi công nợ.
- Công tác quản lý theo dõi đánh giá hiệu quả dự án chưa có những bám sát kịp thời dẫn đến một số dự án có biên lợi nhuận giai đoạn cuối giảm hơn so với hoạch định ban đầu.
 - ⇒ Giải pháp đưa ra là tổ chức triển khai bảng tính hiệu quả dự án ngay từ đầu có sự tham gia của tất cả các phòng ban chuyên môn và định kỳ hàng quý phải rà soát để có những cảnh báo xử lý cho những rủi ro phát sinh.

b. Hoạt động bất động sản:

- Doanh thu năm 2019 của mảng bất động sản là 484 tỷ so với kế hoạch năm 2019 là 355 tỷ đóng góp vào doanh thu đến từ dự án Hiệp Thành City và Long Tân City. Trong năm 2019, KDC Long Tân chuyển đổi từ khu chung cư cao tầng sang nhà liền kề với tổng diện tích chuyển đổi là 5,2 ha gồm 423 nền, kinh doanh thành công 419 nền, kịp thời bổ sung dòng tiền cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Doanh thu 2019 chi tiết:

Stt	Các dự án Bất động sản	Doanh thu năm 2019 (tỷ đồng)
1	KDC Long Tân	460
2	Đất nền Hiệp Thành City	24
	Tổng cộng	484

- Thông tin các dự án Bất động sản Công ty đang triển khai:

Stt	Dự án	Tài sản hình thành còn lại	Tình trạng pháp lý và tiến độ dự án	Kinh doanh	Công việc thực hiện trong năm 2019
1	Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	Đất nền: 0,1 ha Chung cư: 5,6ha TTTM: 2,5ha Giáo dục: 0,3ha	- Đã chuyển 7ha đất chung cư cao tầng sang 5ha đất nền và 2ha làm đường. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH chi tiết 1/500 và 10/2019. - Hồ sơ xin chuyển tên trên Giấy CN.QSĐĐ cho người dân tự xây dựng nhà theo quy hoạch: đã được Bộ Xây dựng có ý kiến đồng thuận ngày 05/01/2019, đang chờ UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản chính thức cho phép. - Thi công hạ tầng: đã hoàn thành cơ bản cơ sở hạ tầng	- Trong năm 2019 ghi nhận doanh thu 460 tỷ. - Trong năm 2019 đã triển khai kinh doanh Khu chuyển đổi cao – thấp tầng số nền KD 419 nền, tổng giá trị HĐ 429 tỷ. - Năm 2019 KD những nền còn lại ở giai đoạn cũ. Khu 50ha kinh doanh 23 nền tổng giá trị HĐ 13 tỷ. Khu 27ha kinh doanh 9 nền tổng giá trị HĐ 10 tỷ.	- Triển khai thi công hạ tầng khu 7ha khu chuyển cao tầng thấp tầng. - Kinh doanh phần còn lại.
2	Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	Đất nền: 0,6 ha Chung cư: 4,8ha TDTD: 1,3 ha TTTM: 2,5 ha Giáo dục: 4,35 ha	- Tổng diện tích 167.778 m2 trong đó: diện tích khu ở là 13,3ha và 3,4ha thương mại. - Đã được cấp sổ hồng phần diện tích đất ở 5,3ha thuộc khu 13,3ha, phần đất giáo dục và tái định cư giao lại UBND thành phố Bảo Lộc. - Đã xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng khu 13,3ha, đã có biên bản của Sở Xây dựng về việc đủ điều kiện bàn giao hạ tầng đưa vào sử dụng. - Khu thương mại 3,4ha UBND chưa bàn giao mặt bằng (đang thực hiện thu hồi đất theo quy trình).	- Khu 13,3ha đã hoàn thành kinh doanh và ghi nhận doanh thu trong năm 2017 – 2018. - Khu thương mại 3,4ha dự kiến kinh doanh trong 2020	- Hoàn thành thủ tục cấp Giấy CN.QSĐĐ và sang tên, bàn giao sổ đỏ từng nền cho khách hàng đối với các nền đất đủ điều kiện. - Bàn giao hạ tầng khu ở và khu tái định cư cho địa phương quản lý. - Khu thương mại 3,4ha: đang lập hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch; Sau khi UBND Bảo Lộc bàn giao mặt bằng sẽ triển
3	Khu dân cư đường Lý Thường Kiệt – Tp. Bảo Lộc 13,3 ha	Khu thương mại 3,4ha			

Stt	Dự án	Tài sản hình thành còn lại	Tình trạng pháp lý và tiến độ dự án	Kinh doanh	Công việc thực hiện trong năm 2019
					khai thi công. - Tiếp tục kinh doanh các nền còn lại khu 13,3ha.
4	Khu dân cư Diên Phước 95ha	Sở hữu 95% vốn góp	- UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư 09/10/2019. - Đã đền bù 32ha/95ha tương đương 33,6 %, còn lại 63ha chưa đền bù.	Dự kiến xây nhà và kinh doanh trong 2021	- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý. - Đền bù đạt 63ha/95ha tương đương 66% diện tích toàn dự án.
5	Chung cư The Parkland	Đã kinh doanh 100% với quy mô 458 căn (shop house 26 căn, căn hộ chung cư 432 căn).	Đã kinh doanh 100%, đã bàn giao 100% căn hộ cho khách hàng	Đã kinh doanh 100% và ghi nhận doanh thu trong 2018	Hoàn thiện thủ tục có liên quan đến việc bàn giao nhà và hồ sơ cấp chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất từng căn.
5	Dự án KDC Hiệp Thành	Còn lại 4 nền giá trị 19,6 tỷ đồng.	- Đã hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý - Đã hoàn thành việc cấp Giấy CN. QSDĐ cho các nền đất kinh doanh	- Trong năm 2019 đã kinh doanh 38/40 nền, đã ghi nhận doanh thu trong năm 2018 là 79,96 tỷ, ghi nhận năm 2019 là 24,13 tỷ. - Còn lại 02 nền sẽ tiếp tục kinh doanh trong 2020.	- Hoàn thiện các thủ tục có liên quan đến việc sang tên cho khách hàng trên giấy CN.QSDĐ cho khách hàng. - Tiếp tục thông báo khách hàng triển khai xây dựng nhà theo quy hoạch được duyệt.
6	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI	7,5ha đất cơ sở giáo dục đào tạo	Đang làm hồ sơ xin chuyển đổi sang nhà ở xã hội kết hợp thương mại dịch vụ	Dự kiến kinh doanh trong 2021	Hoàn thiện thủ tục giải thể trường nghề và hồ sơ chuyển đổi sang nhà ở xã hội kết hợp thương mại dịch vụ.
7	KDC lấn biển tại cửa sông Lèn và sông Trường Giang (Hậu Lộc - Thanh Hóa)		Đang xin chủ trương lập Quy hoạch		

c. Hoạt động đầu tư vốn, đầu tư thiết bị và đầu tư dự án PPP

– Lũy kế đến hết năm 2019 về cơ cấu lĩnh vực đầu tư thì mảng hạ tầng giao thông vẫn là mảng đầu tư cốt lõi chiếm tỷ trọng đầu tư cao nhất của công ty với tỷ lệ 53% và giá trị thực tế đầu tư đến hết năm 2019 chiếm tỷ lệ 43% so với giá trị đầu tư đăng ký. Hầu hết các khoản đầu tư của LICOGI 16 đều có tính chất đang trong giai đoạn đầu tư. Mới có một số dự án đã đưa vào khai thác như BOT 38, BOT Bắc Giang Lạng Sơn, PNW. Tuy nhiên nguồn thu của dự án vẫn chưa đến thời kỳ được hoàn vốn chủ và trả lợi nhuận vốn chủ.

Phân loại theo lĩnh vực đầu tư thì cơ cấu cụ thể:

Stt	Lĩnh vực	Giá trị đầu tư đăng ký	Giá trị thực hiện lũy kế	Tỷ trọng đã đầu tư	Tỷ trọng đã thực hiện/dăng ký
1	BDS	618	198	14%	32%
2	Giao thông	1,417	756	53%	53%
3	Năng lượng	1,072	256	18%	24%
4	Tiện ích	122	123	9%	101%
5	XD	86	86	6%	100%
	Tổng cộng (tỷ đồng)	3,316	1,419	100%	43%

- **Lĩnh vực năng lượng:** Trong năm ghi nhận việc đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo đã rất thành công mà nổi bật là dự án Solar Chư Ngọc với việc hoàn thành đầu tư và thực hiện chuyển nhượng chỉ trong một năm 2019. Ngoài ra, dự án Solar Nhơn Hải cũng được hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý đầu tư và tín dụng để đảm bảo dự án được hoàn thành quá trình đầu tư đưa vào vận hành theo đúng tiến độ đề ra trong Quý 2.2020. Đối với các dự án điện gió, Công ty cũng đang thực hiện các bước trong giai đoạn tiền khả thi để xin chủ trương bổ sung quy hoạch.

- **Lĩnh vực hạ tầng giao thông:** Việc đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông ngoài mục tiêu thu lợi nhuận tài chính từ việc đầu tư còn đem lại nguồn công việc cho mảng xây dựng nhằm duy trì hoạt động tạo nguồn lợi nhuận ổn định và tạo nguồn tiền ngắn hạn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư. Điểm bất cập là nguồn vốn đầu tư lớn và thời gian hoàn vốn kéo dài, các chính sách chưa ổn định dẫn đến tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực BOT không nhiều nếu như không đi kèm các lợi nhuận xây lắp của dự án. Trong danh mục đầu tư hạ tầng giao thông thì dự án BOT Hữu Nghị Chi Lăng mà Công ty đã đầu tư 290 tỷ đồng nhưng dự án chưa triển khai được trong suốt năm 2019 đã dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác mà Công ty đã phải bỏ ra chuẩn bị trước cho dự án. Đây cũng là kinh nghiệm để Công ty cân nhắc và có những bước đi cẩn trọng hơn trước những quyết định về việc đầu tư trong lĩnh vực này.

- **Lĩnh vực tiện ích:** Hiện nay, Công ty đầu tư vào khá nhiều các dự án nhà máy nước bao gồm dự án đã đi vào hoạt động (An Khê, Đankia, Phú Ninh) hay các dự án đang đầu tư (Sài Gòn Mê Kông, Đông Nam Quảng Trị). Hầu hết các dự án đều bị phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ đầu ra, trong giai đoạn đầu do thị trường đầu ra chưa có đủ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, các khoản đầu tư phải chịu chấp nhận rủi ro cao và thời gian hoàn vốn lâu. Do đó, với nguồn lực tài chính cần phải dàn trải cho rất nhiều lĩnh vực thì Công ty đang cân nhắc để xem xét thoái khỏi những dự án thua lỗ, thời gian hoàn vốn lâu để tập trung vào các dự án đầu tư mới có tính hiệu quả cao hơn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng đầu tư thì trong năm 2019 thực hiện chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính tại công ty liên kết LICOGI 16.6 trong lĩnh vực xây dựng LICOGI 16 sở hữu 46%.

Stt	Dự án	Tỷ lệ chuyển nhượng	Giá trị đầu tư	Giá trị chuyển nhượng	Lợi lỗ	Dòng tiền đã thu
1	XD L16.6	46%	40.9	10.2	(30.7)	10.2

- Hoạt động đầu tư vào tài sản cố định, máy móc thiết bị

– Với nguồn lực máy móc thiết bị đến năm 2018 đã được đầu tư mới đồng bộ, hiện đại phục vụ công tác thi công các công trình hạ tầng. Trong năm 2019 công ty chỉ tập trung trong công tác khai thác đảm bảo tất cả các thiết bị được khai thác tối đa công suất, với chi phí sử dụng ở mức tối thiểu.

– Danh mục tài sản vẫn tập trung chủ yếu tại nhóm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động xây lắp hạ tầng giao thông chính là hoạt động cốt lõi của Công ty. Đánh giá hoạt động đầu tư tài sản về tính chất hoạt động là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, hầu hết thiết bị đầu tư đều là thiết bị sản phẩm có thương hiệu chất lượng cao nên giải pháp ưu tiên là khai thác tối đa hiệu suất khai thác của máy móc.

Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty:

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Giá trị khấu hao còn lại (Tỷ đồng)
1	Trạm BTNN	3	61
2	Xe lu	37	59
3	Trạm Nghiền đá	1	59
4	Máy rải	7	50
5	Máy đào	8	19
6	Máy ủi	9	18
7	Máy xúc	7	13
8	Máy san	3	10
9	Xe tải	15	16
	Tổng cộng	90	305

d. Công tác tài chính năm 2019:

– Công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ còn chậm trễ do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan: Thủ tục hồ sơ pháp lý, quy trình quyết toán, cơ chế quản lý năng lực tài chính của Chủ đầu tư.

⇒ Giải pháp được đưa ra là các dự án đều phải có bộ phận nội nghiệp chuyên trách và gắn trách nhiệm đối với từng Ban điều hành trong công tác thanh toán quyết toán, thu hồi công nợ.

– Nợ vay ngắn hạn đến cuối năm 2019 là 859 tỷ đồng, tăng 151 tỷ so với cuối năm 2018 (708 tỷ đồng). Trong đó chủ yếu ghi nhận thêm khoản vay ngân hàng MB và BIDV bổ sung hạn mức vốn lưu động.

– Nợ vay dài hạn đến cuối năm 2019 là 106 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng so với cuối năm 2018 (144 tỷ đồng), trong kỳ Công ty đã thanh toán được một phần khoản nợ vay đến hạn.

– Hoàn thành việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông tỷ lệ 12%/mệnh giá trong đó bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 7%/ mệnh giá và bằng cổ phiếu là 5%/mệnh giá

– Bảng tổng hợp dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp:

Stt	Nội dung	Dòng thu	Dòng chi	Chênh lệch
1	Hoạt động xây lắp	1103	1131	-28
2	Hoạt động Bất động sản	463	162	301
3	Hoạt động đầu tư	362	700	-338
4	Hoạt động tài chính	1714	1614	100
5	Hoạt động khác	6	202	-197
	Lãi vay	6	81	
	CP hoạt động (gồm lương)		108	
	Nộp thuế		13	
	Dòng tiền thuần	3648	3810	-162
	Số dư tiền đầu kỳ			247
	Số dư tiền cuối kỳ			85

– Xét trên dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có thể thấy nguồn thu chính vẫn từ hoạt động kinh doanh bất động sản, hoạt động này bù đắp một phần cho hoạt động đầu tư tiếp tục phải giải ngân trong năm cho các dự án đầu tư mới.

e. Công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông, nhà đầu tư:

- Các hoạt động Truyền thông và Quan hệ đầu tư chính đã thực hiện:
- + Về Truyền thông, LICOGI 16 đã ký kết hợp tác tuyên truyền với Kênh truyền hình Thông tấn xã (Vnews) và Báo Giao thông, thông qua đó LICOGI 16 đã có đội ngũ chuyên nghiệp giữ vai trò người tư vấn chiến lược truyền thông song hành xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tăng cường quảng cáo thương hiệu LICOGI 16 thông qua trang tin điện tử của Báo Giao thông, Báo Cafef.vn.
- + Các tin tức, thời sự về mọi hoạt động Công ty được kịp thời đăng tải lên trang web và chia sẻ lên các kênh mạng xã hội Youtube, facebook.
- + Công ty vẫn duy trì đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư hàng quý để truyền tải đầy đủ thông tin 3 lĩnh vực hoạt động của LICOGI 16 đến cộng đồng đầu tư: xây dựng, bất động sản, đầu tư. Song song đó là bản tin hàng tháng được gửi đến tổ chức chiến lược nước ngoài Lucerne.
- + LICOGI 16 tuân thủ đầy đủ công bố thông tin theo luật định của tổ chức niêm yết, đặc biệt là các thông tin liên quan đến chương trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

f. Tổ chức đoàn thể:

Chăm lo đời sống người lao động:

Năm 2019, mức thu nhập bình quân của người lao động là 19.122.531 đồng/tháng. Công ty duy trì chế độ làm việc 6 ngày/tuần; 8 giờ/ngày; chế độ nghỉ Lễ, Phép và nghỉ khác tuân thủ theo qui định của Bộ luật lao động; Văn phòng làm việc luôn thoáng mát, sạch sẽ, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ để phục vụ cho công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cho người lao động làm việc tại các công trường.

- Các hoạt động tổ chức trong năm:
- + Hợp tác toàn diện với trường Đại học Thủy lợi và trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải trong các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học, đào tạo, cấp học bổng sinh viên, hỗ trợ thực tập tại các công trình của Công ty, giao lưu thường xuyên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp cho ngành cấp thoát nước.

+ Tổ chức hội thao: Hội thao khu vực Miền Nam và Tây Nguyên; Bóng đá giao lưu giữa Văn phòng Công ty với các công trường; Bóng đá giao lưu giữa Công ty với Chủ đầu tư các dự án, đối tác, thầu phụ.

+ Tổ chức các đợt hiến máu nhân đạo.

+ Tổ chức bếp ăn tập thể cho CBNV toàn Công ty.

Chăm lo công tác xã hội:

Năm 2019, số tiền Công ty chi cho các hoạt động từ thiện xã hội, tài trợ giáo dục là 397.500.000 đồng. Trong đó có các chương trình nổi bật như:

- Ủng hộ xây dựng Nhà văn hóa Chư Ngọc (tỉnh Gia Lai): 100.000.000 đồng
- Quà Tết cho bà con tại xã Chư Ngọc (tỉnh Gia Lai): 87.500.000 đồng
- Quà Tết từ thiện cho bà con tại xã Ngự Lộc (tỉnh Thanh Hóa): 40.000.000 đồng
- Tài trợ Hội học sinh trường PTLC Olympia tổ chức sự kiện Liên hoan phim Olympia (OFF) 2019 cho: 20.000.000 đồng
- Tài trợ trường Đại học Thủy Lợi tổ chức Hội thảo quốc tế APAC 2019: 100.000.000 đồng
- Tài trợ học bổng cho sinh viên niên khóa 2019 – 2020 trường Đại học Thủy lợi: 50.000.000 đồng

g. Công tác tổ chức và quản trị nguồn nhân lực:

Cơ cấu lao động tính đến 31/12/2019, tổng số lao động ký hợp đồng trực tiếp với công ty là 401 người, tăng so với năm 2018 là 17 người. Trong đó, khối gián tiếp làm việc tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh Hà Nội là 87 người, chiếm 21%; làm việc tại công trường, BDH dự án là 314 người, chiếm 79%.

- Theo vị trí công việc: Cán bộ quản lý Công ty là 43 người, chiếm 11%; Cán bộ chuyên môn gián tiếp là 60 người, chiếm 15%; nhân viên trực tiếp sản xuất là 298 người, chiếm 74%.

- Theo trình độ chuyên môn: Trình độ trên đại học là 51 người, chiếm 13%; Đại học là 237 người, chiếm 59%; Cao đẳng là 20 người, chiếm 5%, Trung cấp, Cao đẳng nghề là 53 người, chiếm 13%; Lao động phổ thông là 40 người, chiếm 10%.

Định hướng công tác quản trị nguồn nhân lực đã thực hiện:

- Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với từng CBNV và từng tập thể đơn vị.

- Tổ chức kỳ thi sát hạch kiểm tra tay nghề và nâng bậc thợ đối với công nhân vận hành thiết bị cơ giới.

- Thực hiện chi trả lương theo hình thức lương 3p (theo vị trí công việc, năng lực cá nhân, hiệu quả công việc).

- Tăng cường tính tự chủ và phân cấp phân quyền mạnh trong công tác quản trị Công ty.

- Tổ chức giao khoán triệt để hơn nhằm khuyến khích người lao động tích cực và sáng tạo trong công việc.

- Mua bảo hiểm tai nạn 24h cho CBNV.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ công nhân viên.

- Thuê nhà, lập ký túc xá chỗ người lao động làm việc tại công trường, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt cần thiết, trang bị dụng cụ thể dục thể thao, tổ chức bữa trưa tập thể đảm bảo điều kiện sinh hoạt thoải mái cho người lao động.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ DỰ PHÓNG 2021-2025

1. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

1.1. Tình hình chung:

Quốc hội đã thông qua nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 với các chỉ tiêu: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,8%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng dưới 4%, đảm bảo hài hoà giữa mục tiêu tăng trưởng và kiềm chế lạm phát.

1.2. Yếu tố thuận lợi:

– Hoàn thành thông xe dự án Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn và đặc biệt là thi công dự án Đường đua F1 đã tích lũy cho LICOGI 16 kinh nghiệm về tổ chức, quản lý thi công, đồng thời đào tạo các vị trí nhân sự chủ chốt để có thể thực hiện các dự án mới. Bên cạnh đó đã tạo uy tín lớn trên thị trường để tiếp tục thực hiện tham gia Đầu tư và thi công các dự án mới như Hữu Nghị - Chi Lăng, Tân Thanh – Cốc Nam,...

– LICOGI 16 trúng thầu thi công hàng loạt dự án năng lượng mặt trời như Solar Nhon Hải, Solar Mỹ Sơn 1, Mỹ Sơn 2, Solar Vạn Ninh là cơ hội để Công ty củng cố năng lực, kinh nghiệm mảng năng lượng tái tạo và là tiền đề để tiếp tục triển khai các dự án năng lượng trong tương lai gần.

– Với vai trò là Tổng thầu EPC tại dự án BOO NMN Phú Ninh, Trạm tăng áp Tây Mỗ, LICOGI 16 đã hình thành năng lực về nhân sự, thi công cho các dự án ngành nước, tạo nền tảng để tiến tới triển khai thi công dự án như nhà máy nước Quảng Trị.

– Sau thành công của dự án Chung cư Hiệp Thành, việc triển khai thi công dự án Trường CĐ GTVT đúng chất lượng và tiến độ đặt ra đang góp phần tạo nên uy tín và thương hiệu của LICOGI 16, để Công ty tiếp cận các dự án thuộc mảng Hạ tầng dân dụng.

– Có lực lượng nhân sự trẻ, nhiệt huyết với Công ty có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

– Có mối quan hệ tốt với các ban ngành Trung ương, địa phương, Ban lãnh đạo Công ty luôn nhanh nhạy với các diễn biến trên thị trường để nắm bắt cơ hội hợp tác, cũng như nội tại các dự án, phòng ban để có hướng điều chỉnh hợp lý;

– Công ty đã thu hút số lượng cổ đông lớn hiểu về ngành, qua đó nhận được các ý kiến tư vấn có giá trị để định hướng phát triển cho tương lai;

– Trải qua thời gian dài hợp tác với các ngân hàng lớn, LICOGI 16 đã có hạn mức tín dụng tốt, từ đó nhận được sự quan tâm và hỗ trợ ngân hàng làm đòn bẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

1.3. Yếu tố bất lợi:

– Thị trường xây dựng trong năm 2020 bị ảnh hưởng trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng nổ và diễn biến phức tạp, một số dự án đóng băng chờ nguồn tín dụng.

– Quá trình quyết toán, hoàn tất thủ tục mất nhiều thời gian gây bất lợi cho việc hoàn tất hồ sơ của LICOGI 16 dẫn đến tình trạng bị đọng vốn và đưa dự án vào khai thác, sử dụng muộn so với kế hoạch làm gia tăng chi phí liên quan.

2. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020:

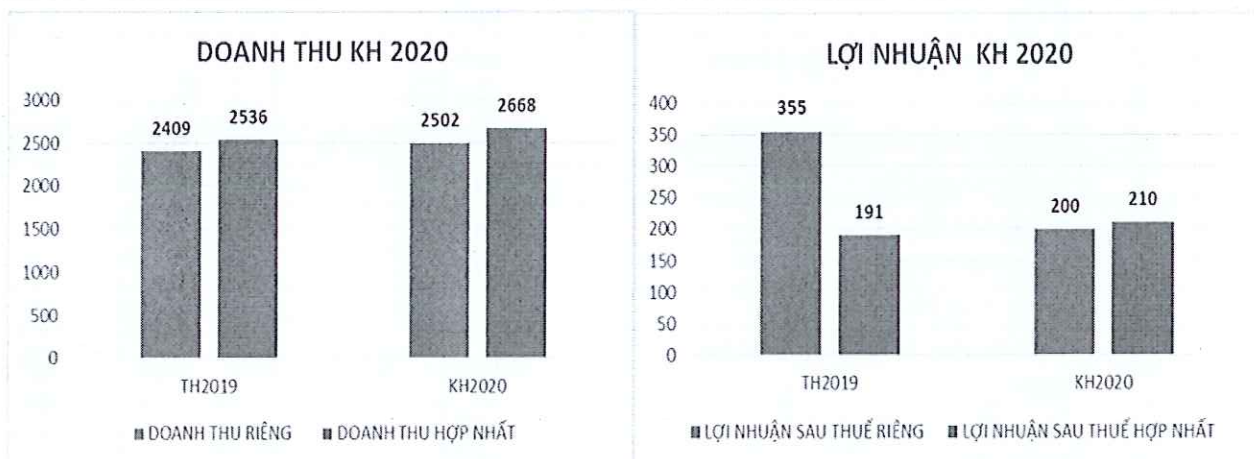
Năm 2020 sẽ tiếp tục thực hiện các dự án trọng điểm để hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra cho giai đoạn 2016 – 2020 trong đó tập trung nâng cao công tác quản lý, khai thác tối đa năng lực máy móc thiết bị, con người. Ngoài các dự án về Hạ tầng giao thông, LICOGI 16 sẽ triển khai mạnh mẽ các dự án PPP về ngành nước, năng lượng mặt trời, điện gió.

Ban Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT đề trình ĐHCĐ thường niên 2020 kế hoạch thực hiện như sau:

2.1 Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH năm 2020	Tỷ lệ KH 2020/TH 2019
Báo cáo riêng			
Doanh thu riêng	2.409	2.502	104%
LN sau thuế riêng	355	200	56%
Báo cáo hợp nhất			
Doanh thu HN	2.536	2.668	105%
LN sau thuế HN	191	210	110%



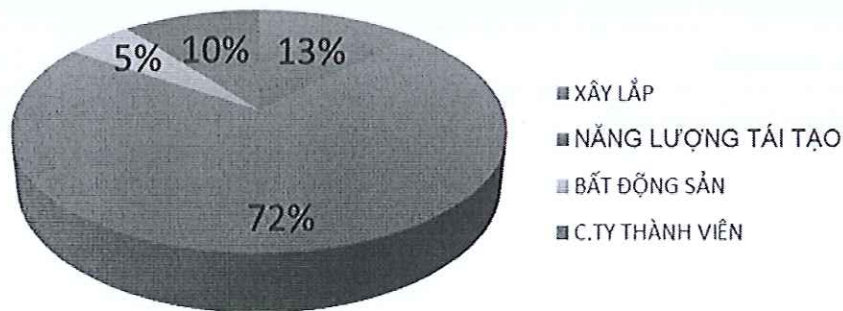
2.2. Cơ cấu doanh thu thực hiện KH năm 2020:

a. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận kế hoạch năm 2020 theo từng Quý:

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Doanh thu hợp nhất	435	618	750	865
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	15	55	60	80

b. Chi tiết doanh thu theo từng dự án:

STT	Khoản mục	KH 2020	Tỷ trọng	TH 2019	% KH 2020/ TH 2019
I	Doanh thu xây lắp	336	12,6%	1.223	27,5%
1	Bắc Giang Lạng Sơn (phần nền)	55			
2	Trường CD GTVT	125			
3	Đường đua F1	111			
4	Vân Đồn Móng Cái	20			
5	Xí nghiệp VLXD	25			
II	Công ty thành viên	282	10,6%	303	93,1%
1	EVN	116			
2	Xây dựng nhà ở Hiệp Thành	115			
3	Licons	51			
II	Doanh thu Năng lượng tái tạo	1.910	71,6%	526	363%
1	Solar Nhơn Hải	304			
2	Solar Mỹ Sơn 1	318			
3	Solar Mỹ Sơn 2	291			
4	Solar Vạn Ninh	997			
III	Doanh thu Bất động sản hợp nhất	140	5,2%	484	29%
1	Nam Phương City (3,4 ha)	50			
2	Long Tân	90			
	Tổng doanh thu kế hoạch (I+II+III)	2.668	100%	2.536	105%



2.3. Mục tiêu và kế hoạch hành động năm 2020:

Mục tiêu và kế hoạch hành động năm 2020 được xác định trên định hướng chiến lược HĐQT Công ty, theo đó hoạt động xây lắp đóng vai trò cốt lõi, là hoạt động chính yếu và xuyên suốt; hoạt động bất động sản đóng vai trò hỗ trợ và hoạt động đầu tư theo hình thức PPP từng bước hình thành nguồn thu nhập bền vững, cụ thể như sau:

2.3.1 Hoạt động xây lắp:

*** Mục tiêu:**

- Thể hiện tốt vai trò tổng thầu trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông, cấp nước, xây dựng dân dụng công nghiệp, năng lượng. Đúc kết kinh nghiệm tại các dự đã triển khai một cách bài bản, từng bước nâng cao uy tín, năng lực thi công và phát triển thị trường trọng điểm phù hợp.
- Tiếp tục hoàn thiện việc chuyên môn hóa các hạng mục thi công đường: phần nền móng, các công trình trên tuyến, các công trình phụ trợ. Nâng cao vai trò, năng lực của Xí nghiệp Vật liệu trong chuyên môn hóa thi công mặt đường Bê tông nhựa nóng từ khâu sản xuất đến thi công.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác thương mại đối với mặt hàng BTNN, tạo nguồn tài chính bền vững cho Công ty.

- Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn các nhân sự hiện có của Công ty, đồng thời tuyển dụng các vị trí nhân sự có chất lượng nhằm đảm đương các vị trí quan trọng. Xây dựng cơ chế thông thoáng, hấp dẫn để thu hút nhân tài.

- Tiếp cận và vận dụng các quy trình công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy điều hành. Ngoài ra, nghiên cứu thêm công nghệ về duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường bộ.

- Xây dựng các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp chiến lược có năng lực tài chính, thi công để cùng song hành với LICOGI 16 tại các dự án.

- Tích cực tìm kiếm các đối tác quan trọng, có tiềm năng cùng hợp tác đầu tư các dự án trọng điểm.

- Tập trung hoàn thành bàn giao, quyết toán các công trình dở dang của các năm trước. Đồng thời, có kế hoạch cụ thể nhằm thu hồi công nợ tại các dự án để tạo nguồn tài chính thi công cho các dự án đang và dự kiến triển khai.

*** Kế hoạch hành động:**

- Thi công hoàn thiện các phần việc còn lại tại các dự án như cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Trạm tăng áp Tây Mỗ, BOO NMN Phú Ninh GD1,... để quyết toán, bàn giao dự án.

- Tiếp tục triển khai thi công tốt các dự án năng lượng tái tạo như Solar Nhơn Hải, Solar Mỹ Sơn 1, Mỹ Sơn 2, Solar Vạn Ninh.

- Bám sát và đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ tại các dự án xây lắp.

- Tổng hợp phân tích hiệu quả các dự án quyết toán để rà soát đánh giá các điểm phát sinh vượt dự toán làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.

- Xây dựng đội ngũ nhà cung cấp chiến lược có dịch vụ tốt cho các vật liệu chính (dầu, nhựa, đá, thép,...) và các nhà thầu có năng lực tài chính và năng lực thi công tốt song hành với LICOGI 16 tại các dự án.

Đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo:

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy theo đúng tiến độ, mục tiêu đưa dự án vào khai thác sớm nhất để đảm bảo về việc được hưởng chế độ ưu đãi chính sách về giá.

- Tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng các dự án đã hoàn thành tạo nguồn triển khai các dự án Điện Gió. Song song tìm kiếm thêm các nhà đầu tư khác để có các phương án hợp tác đầu tư cùng triển khai dự án Điện Gió.

- Mở rộng xây dựng quan hệ tín dụng với các ngân hàng mới có nhu cầu liên quan đến việc tài trợ các dự án về năng lượng.

Đối với lĩnh vực tiện ích

- Có phương án chuyển nhượng các dự án kém hiệu quả gồm NMN Cần Thơ, NMN An Khê để tạo nguồn tập trung vào các dự án mới như NMN Đông Nam Quảng Trị.

- Đánh giá xem xét về hiệu quả đầu ra trước khi thực hiện đầu tư vào các dự án mới trong lĩnh vực này.

2.3.2 Hoạt động bất động sản

* Mục tiêu:

– Năm 2020 Công ty nhanh chóng hoàn thiện công tác đền bù và thủ tục pháp lý để triển khai thi công hạ tầng khu 3,4ha Nam Phương City và 7,5ha khu đất chuyển đổi từ dự án Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI.

– Đối với dự án KDC Điền Phước công ty xác định đây là dự án rất tiềm năng nên sẽ tập trung nguồn lực và nhân sự đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Dự kiến hoàn thành cơ bản việc đền bù trong năm 2021 và triển khai xây dựng hạ tầng, xây nhà và bắt đầu kinh doanh nhà trong năm 2022.

– Các dự án hoàn vốn BT đường Bình Tiên: Tiếp tục làm việc với các Sở Ban Ngành liên quan để hoàn tất các thủ tục pháp lý tiến tới ký kết Hợp đồng để triển khai trong thời gian sớm nhất.

* Kế hoạch hành động:

– Triển khai GPBM khu 3,4ha dự án Nam Phương City.

– Hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI sang dự án nhà ở TM DV.

– Tập trung các khoản tiền thu còn lại của dự án theo kế hoạch đã đề ra.

– Hoạch định triển khai công tác đền bù Điền Phước đảm bảo giá trị đền bù phù hợp và nhanh chóng. Đưa ra các phương án huy động vốn từ các nguồn khác nhau, đây là điều kiện tiên quyết để có thể triển khai được Điền Phước.

– Tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý của các dự án (Long Tân, Điền Phước, Nam Phương City, Trường nghề Nghi Sơn...). Thực hiện định giá chuyển góp vốn vào công ty LCG Land để đơn vị này tập trung công tác quản lý và phát triển dự án.

2.3.3 Hoạt động đầu tư

– Căn cứ tình hình tiến độ triển khai các dự án thì hoạch định kế hoạch đầu tư trong năm 2020 cụ thể:

Stt	Tên công ty	LK 2019	KH đầu tư bổ sung 2020	Nguồn hoạch định
1	BDS_Điền Phước	111,7	200	Phát hành tăng vốn 150 tỷ và huy động từ nhà đầu tư
	BDS_LCL	0,5	100	Định giá bất động sản của LCG góp vào LCG Land
2	Năng lượng_LCE	32,7	5	Nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh
	Năng lượng_LCE Quảng Trị 1	0,1	50	Nguồn chuyển nhượng pháp lý dự án Điện gió Gia Lai
	Năng lượng_LCE Quảng Trị 2	0,1	50	Hợp tác đầu tư
	Tổng cộng		405	

Để đảm bảo nguồn tài chính dài hạn đầu tư thì các mục tiêu về tài chính cần thực hiện:

- Phát hành tăng vốn
- Kêu gọi huy động vốn hợp tác từ các nhà đầu tư vào dự án
- Xây dựng được chính sách tín dụng với các tổ chức tín dụng
- Xem xét chuyển nhượng các dự án đầu tư

3. HOẠCH ĐỊNH DỰ PHÓNG MỤC TIÊU SXKD 2021 - 2025

– Theo định hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua:

Chỉ tiêu	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
Doanh thu	1.100	1.485	2.198	3.072	3.700
Lợi nhuận sau thuế	50	68	110	184	222
Cổ tức	5%	7%	7%	10%	12%

– Với kết quả kinh doanh đã thực hiện được của năm 2016, 2017, 2018, 2019 và những hoạch định chiến lược đã được đề ra năm 2020, HĐQT đã đưa ra dự phóng điều chỉnh cho kế hoạch năm 2020 cụ thể:

Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	KH 2020
Doanh thu	1.119	1.515	2.501	2.536	2.668
Lợi nhuận sau thuế	69	78	164	191	210
Cổ tức	7%	7%	12%	12%	15%

Bên cạnh đó, Công ty đã đưa ra dự phóng Kế hoạch cho giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

Chỉ tiêu	DP 2021	DP 2022	DP 2023	DP 2024	DP 2025
Doanh thu	2.701	3.251	3.381	3.608	4.000
Tăng trưởng doanh thu	1%	20%	4%	7%	11%
Lợi nhuận sau thuế	215	260	270	501	912
Tăng trưởng lợi nhuận	2%	21%	4%	86%	82%
Biên LN ròng	8,0%	8,0%	8,0%	13,9%	22,8%
Cổ tức	15%	15%	15%	20%	25%
Vốn điều lệ	1.356	1.506	1.506	1.506	1.506

Để thực hiện được nhiệm vụ doanh thu, lợi nhuận kế hoạch và phát triển bền vững do HĐQT đề ra, Ban Tổng Giám đốc xác định cần dựa trên yếu tố nguồn lực cốt lõi:

– Nguồn nhân lực là hạt nhân để thúc đẩy việc phát triển Công ty. Do vậy LICOGI 16 luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp. Bên cạnh việc trẻ hóa đội ngũ, hướng tới công tác đào tạo thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm việc. Tiếp tục sử dụng các nhân sự với nhiều năm kinh nghiệm để tiến tới hình thành một bộ máy hài hòa có sự tương trợ lẫn nhau. Đồng thời tranh thủ kiến thức của các chuyên gia trong từng lĩnh vực tư vấn cho Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn.

– Đào tạo chuyên sâu: Từ việc nhận biết nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi của sự phát triển công ty, vì vậy cần thiết phải đào tạo một cách chuyên sâu, bài bản từng cá nhân. Có hoạch định đúng đắn cho việc phát triển nguồn nhân lực và nhận biết khả năng, thế mạnh của mỗi cá nhân để sắp xếp vị trí phù hợp nhất.

– Nắm bắt các công nghệ tân tiến, hiện đại, phù hợp với năng lực cốt lõi của Công ty để thực hiện các dự án có hiệu quả cao nhất và phát triển Công ty theo hướng bền vững nhất.

– Xây dựng và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp: Do công ty là đơn vị hoạt động đa ngành (xây dựng, bất động sản, hạ tầng giao thông, tiện ích...) nên là môi trường với nhiều các thành viên ở trình độ năng lực, văn hóa vùng miền khác nhau. Để tạo nên một thể thống nhất cần xây dựng chuẩn mực văn hóa nguyên tắc ứng xử khi tất cả gia nhập vào trong Công ty nhằm đảm bảo tất cả cùng đi đúng theo một mục tiêu chung của Công ty.

4. KẾT LUẬN:

Năm 2019 vừa qua là một năm với nhiều khó khăn và thử thách, bên cạnh việc đạt được kết quả khả quan từ công tác tái cấu trúc hoạt động và tổ chức sắp xếp bộ máy quản trị điều hành hiệu quả, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ Hội đồng quản trị đã giúp Công ty hoàn thành năm 2019 với kết quả rất đáng khích lệ. Đây cũng là tiền đề quan trọng để Công ty triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025. Để làm được điều này, toàn thể CBNV Công ty sẽ phải thực sự nỗ lực, tập trung trí lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có và quyết tâm thực hiện thành công vượt mức kế hoạch năm 2020 đề ra.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, định hướng kế hoạch SXKD năm 2020 và dự phóng mục tiêu 2021 – 2025, kính trình ĐHCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Tăng Quốc Chuộc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc: thông qua Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty bao gồm:

1. Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2019;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019.

Trong đó một số chỉ tiêu cơ bản trong BCTC năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2019	Năm 2018
Báo cáo tài chính riêng		
Doanh thu thuần	2,408,680,790,134	1,841,468,884,399
Lợi nhuận sau thuế	354,845,194,250	74,048,556,347
Tổng tài sản	4,739,978,054,734	4,206,205,816,310
Vốn chủ sở hữu	1,547,292,820,018	1,272,567,779,148
Vốn cổ phần	1,048,992,930,000	1,000,000,000,000
Báo cáo tài chính hợp nhất		
Doanh thu thuần	2,536,267,886,150	2,501,653,732,138
Lợi nhuận sau thuế	191,125,782,226	164,576,999,715
Tổng tài sản	4,718,725,550,578	4,229,607,240,433
Vốn chủ sở hữu	1,587,353,313,866	1,472,507,092,009
Vốn cổ phần	1,048,992,930,000	1,000,000,000,000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Để đảm bảo quyền lợi là lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI16 kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) trong năm (05) đơn vị kiểm toán có năng lực, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán năm 2020 cho công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

1. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty TNHH KPMG
5. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua việc phân phối lợi nhuận, chi cổ tức
và báo cáo chi thù lao HĐQT & Ban Thư ký năm 2019”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2019 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Giá trị
I	Lợi nhuận sau thuế (Báo cáo Kiểm toán hợp nhất)		240.069.877.311
1	Các năm trước để lại		48.944.095.085
2	Năm 2019		191.125.782.226
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019		134.949.181.334
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6%	11.467.546.934
2	Chia cổ tức (cổ tức bằng cổ phiếu)	12%	123.481.634.400
3	Thưởng HĐQT		-
4	Thưởng Ban điều hành		-
III	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối		105.120.695.977

2. Chia cổ tức năm 2019

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 mặc dù lợi nhuận sau thuế là 240.069.877.311 đồng, tuy nhiên do đợt phát hành tăng vốn (với giá trị dự kiến 300 tỷ đồng) trong năm 2019 phục vụ cho hoạt động của Công ty không thành công vì thế nên cần tập trung nguồn tiền lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp để bù đắp. Theo đó, HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ thông qua mức chi là 12% bằng cổ phiếu.

Về thời gian chi trả ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc chốt danh sách và xác định thời gian chi trả cổ tức trong đó không chế thời điểm chốt danh sách theo quy định.

3. Báo cáo ngân sách hoạt động, lương và thù lao thực tế HĐQT, Ban thư ký năm 2019

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2019, đại hội đã thông qua mức thù lao đối với HĐQT là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất.

- Thực tế, ngân sách hoạt động, lương và mức thù lao thực tế đã chi trả năm 2019 cho HĐQT, ban thư ký là: 3.391.647.880 đồng tương ứng 0,13% doanh thu thuần hợp nhất. Phần còn lại dự kiến thực hiện chi trong năm 2020.
- Thường HĐQT, Ban điều hành: tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 không đạt kế hoạch đề ra, vì vậy, đề nghị không thưởng HĐQT và Ban điều hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, ngân sách hoạt động, lương và mức thù lao đối với HĐQT, Ban thư ký.

Trân trọng cảm ơn.

Ucs
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Ucs*
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 284 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi cổ tức

và kế hoạch ngân sách hoạt động, thù lao cho HĐQT và Ban thư ký năm 2020 ”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2020

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi :10% lợi nhuận sau thuế
- Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị :1% lợi nhuận sau thuế
(chỉ được chi khi lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra)
- Chi cổ tức :15%/ vốn điều lệ

2. Kế hoạch ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao HĐQT, Ban thư ký dự kiến chi trả năm 2020

Căn cứ thực tế quy mô của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2020, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao cho HĐQT, Ban thư ký LICOGI 16 tương ứng là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

Quang T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Thư*



Bùi Dương Hùng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty.

Nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu thực tiễn tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Nội dung chi tiết theo Phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm.

Trình ĐHCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành ký và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BUI DUONG HUNG

PHƯƠNG ÁN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số 285/TT-HĐQT ngày 20/05/2020.)

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Thay đổi mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bổ sung ngành Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động		
2	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng (một nghìn tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.049.017.000.000 đồng (một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ mười bảy triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 104.901.700 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ do: - Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5% (4.899.293 cổ phiếu); - Phát hành thêm 2.407 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
3	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung phương án tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
4	Điều 19. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung phương án tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.	11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại đại hội và các cổ đông có mặt tại đại hội phải nghe, hiểu rõ những nội dung cổ đông này cho ý kiến. Trong trường hợp này việc tham dự này được xem là tương đương với việc cổ đông trực tiếp tham dự và việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.		

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 286 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần LICOGI 16 ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung chính như sau:

1. Đăng ký bổ sung/thay đổi vốn điều lệ (bao gồm trường hợp tăng vốn điều lệ do chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu), ngành nghề kinh doanh và các nội dung khác của Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
2. Quyết định việc tổ chức thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và điều hành của Công ty.
3. Quyết định ủy quyền cho HĐQT tiến hành sửa đổi và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần LICOGI 16 phù hợp với qui định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 287 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 31/03/2020 của Ông Lê Vũ Nam.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020 như sau:

HĐQT hiện nay còn lại 03 người do ông Lê Vũ Nam đã có Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 31/03/2020. Để đảm bảo tuân thủ số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 (năm) người theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16, HĐQT Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông việc bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc, bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Dương Hùng

BẢN TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC ỨNG VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. **Ông Nguyễn Minh Khang** Năm sinh: 1977

- Trình độ:
 - Tiến sĩ Kinh Tế (DBA)
 - Thạc sỹ Tài Chính đầu Tư BĐS
 - Kỹ sư Xây Dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 – 2004	Công ty Đầu tư Xây dựng cơ giới	Trưởng Ban quản lý dự án
2005 – 2008	Công ty TNHH Total Building Systems (Australia)	Giám đốc điều hành
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú – Deawon	Giám đốc điều hành Ban QLDA
2011 – 2014	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Giám đốc Khối Bất động sản
2014 – 2015	Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Sơn – Long An	Tổng Giám đốc
2015 – 07/2017	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	Phó Tổng Giám đốc
07/2017 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	Tổng Giám đốc

2. **Ông Nguyễn Văn Nghĩa** Năm sinh: 1963

- Trình độ: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1981 – 1985	Quân khu II	Nhân viên bảo mật
1985 – 1992	Sở tài chính Vĩnh Phú	Văn thư
1992 – 1996	Cục thuế Vĩnh Phú	Cán bộ
1996 – 1999	Công ty CN Bê tông vật liệu XD Việt Trì	Kế toán trưởng
2000 – 2005	Công ty TNHH Vĩnh Phúc	Giám đốc
2005 – 2006	Công ty TNHH Prime Group	Phó TGD
2006 – 2008	Công ty CP Prime Group	Phó TGD
2009 – 2016	Công ty TNHH Prime Group	Phó TGD
2016 – nay	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Thanh Long	Chủ tịch Hội đồng thành viên

3. Ông Tăng Quốc Thuộc

Năm sinh: 1977

- Trình độ:
 - Kỹ sư xây dựng
 - Cử nhân Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2006	Công ty Liên doanh Xây dựng Nền móng Phía Nam	Kỹ sư
2006 – 2009	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Chỉ huy trưởng Công trình, Phó phòng KT - KH
2009 – 2010	Phó Giám đốc Công ty CP LICOGI 16.1	Phó Giám đốc
2010 – 2012	Công ty TNHH Siêu Thành – Công ty con của Công ty CP LICOGI 16	Giám đốc
2012 – 2015	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	Giám đốc
05/2016 – 04/2017	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc thi công
05/2017 – 12/2017	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Kinh tế Kế hoạch
2018 – nay	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49



Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên	
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc Thị công	
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc Hành chính - Quản trị	
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Kỹ thuật	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2019
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2019
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền Số 01/UQ-LICOGI16-PL ngày 2 tháng 1 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phay ma Ban Tổng giám đốc:



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 60992762/21164003/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.251.943.638.184	2.915.957.933.210
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	61.411.536.036	212.905.766.099
111	1. Tiền		61.411.536.036	136.081.424.442
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	76.824.341.657
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.000.000.000	96.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.000.000.000	96.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.246.063.245.151	1.694.796.592.124
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.524.725.740.294	1.079.103.652.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	371.524.609.334	260.175.370.072
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	15.936.418.391	9.236.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	366.886.676.899	371.870.532.306
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(33.010.199.767)	(25.589.381.265)
140	IV. Hàng tồn kho	10	824.798.589.199	833.235.225.519
141	1. Hàng tồn kho		824.798.589.199	833.235.225.519
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		100.670.267.798	79.020.349.468
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	8.290.582.495	14.317.736.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		92.377.528.783	64.435.462.191
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.156.520	267.150.615



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.466.781.912.394	1.313.649.307.223
210	I. Khoản phải thu dài hạn		6.367.569.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	6.367.569.000	-
220	II. Tài sản cố định		370.224.902.764	369.577.585.057
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	329.760.282.472	351.639.476.852
222	Nguyên giá		492.215.080.401	462.841.111.138
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(162.454.797.929)	(111.201.634.286)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	38.756.762.059	15.472.193.924
225	Nguyên giá		52.003.408.553	19.153.008.553
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.246.646.494)	(3.680.814.629)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	1.707.858.233	2.465.914.281
228	Nguyên giá		10.213.240.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.505.381.767)	(7.199.145.719)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		340.688.411.853	127.109.357.036
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	340.688.411.853	127.109.357.036
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	728.937.845.304	797.132.243.552
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		214.981.295.804	285.075.694.052
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		487.397.030.000	487.397.030.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.559.519.500	24.659.519.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		20.563.183.473	19.830.121.578
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	891.287.669	1.883.086.810
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	9.282.097.121	6.082.191.659
269	3. Lợi thế thương mại	17	10.389.798.683	11.864.843.109
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.718.725.550.578	4.229.607.240.433

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.131.372.236.712	2.757.100.148.424
310	I. Nợ ngắn hạn		2.917.230.787.183	2.515.506.607.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	886.620.645.485	841.201.997.978
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	367.277.096.455	614.885.214.822
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	80.108.670.097	48.356.661.358
314	4. Phải trả người lao động		8.266.908.511	13.557.462.382
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	558.299.691.720	173.127.505.732
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	125.030.902.547	90.404.043.219
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	859.327.279.597	708.618.144.918
321	8. Dự phòng ngắn hạn	24	19.670.728.282	21.174.781.145
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.628.864.489	4.180.796.279
330	II. Nợ dài hạn		214.141.449.529	241.593.540.591
331	1. Phải trả người bán dài hạn	32	89.414.653.881	80.207.294.642
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	17.350.468.768	15.601.283.351
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	105.883.075.380	144.291.711.098
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		1.493.251.500	1.493.251.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.587.353.313.866	1.472.507.092.009
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.587.353.313.866	1.472.507.092.009
411	1. Vốn cổ phần	25.1	1.048.992.930.000	1.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.048.992.930.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	240.069.877.311	178.057.178.465
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		48.944.095.085	13.480.178.750
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		191.125.782.226	164.576.999.715
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		104.170.980.698	100.330.387.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.718.725.550.578	4.229.607.240.433

Đỗ Văn Hương
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng

Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	2.536.267.886.150	2.526.375.101.138
2	2. Giảm trừ doanh thu	26.1	-	(24.721.369.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	2.536.267.886.150	2.501.653.732.138
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(2.075.982.020.886)	(2.175.636.710.947)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		460.285.865.264	326.017.021.191
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	48.289.484.101	37.849.747.200
22	7. Chi phí tài chính	28	(116.407.114.014)	(60.708.843.483)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(79.403.952.931)	(54.262.655.498)
24	8. Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết		(8.769.648.334)	2.182.337.693
25	9. Chi phí bán hàng	29	(51.802.501.111)	(27.853.806.906)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(73.537.911.170)	(65.138.591.340)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		258.058.174.736	212.347.864.355
31	12. Thu nhập khác	30	7.625.993.192	5.151.437.380
32	13. Chi phí khác	30	(9.752.146.253)	(3.922.647.959)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	30	(2.126.153.061)	1.228.789.421
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		255.932.021.675	213.576.653.776
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(65.368.546.623)	(34.344.266.020)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	3.199.905.462	3.568.133.261
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		193.763.380.514	182.800.521.017
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		191.125.782.226	164.576.999.715
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.637.598.288	18.223.521.302
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.4	1.672	1.565
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.4	1.672	1.565


Đỗ Văn Hương
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		255.932.021.675	213.576.653.776
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 17	69.407.431.360	50.935.914.161
03	Dự phòng		5.916.765.639	18.694.234.695
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	254.467.353
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.633.351.913)	(40.086.366.711)
06	Chi phí lãi vay	28	79.403.952.931	54.262.655.498
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		401.026.819.692	297.637.558.772
09	Tăng các khoản phải thu		(633.710.866.017)	(342.969.286.374)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		8.436.636.320	(291.794.386.948)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		284.709.983.341	(97.314.079.964)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		7.018.953.308	(3.775.147.623)
14	Tiền lãi vay đã trả		(78.957.510.615)	(52.552.343.858)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.087.611.300)	(17.691.352.370)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.072.321.770)	(7.569.633.696)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào từ hoạt động kinh doanh		(45.635.917.041)	(516.028.672.061)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(315.251.408.162)	(83.197.233.252)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.873.636.364	68.181.818
23	Tiền chi cho vay và mua công cụ vốn của đơn vị khác		(8.700.000.000)	(69.100.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		77.100.000.000	-
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.860.000.000)	(264.277.217.923)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		121.365.247.314	150.807.450.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		11.560.881.178	13.428.154.211
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(117.911.643.306)	(252.270.665.146)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	79.500.000.000
	Tiền nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		1.202.994.723	19.000.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		-	(18.768.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.690.192.747.729	1.548.608.051.065
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(1.596.869.757.609)	(1.136.574.952.756)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(13.872.891.159)	(4.588.597.182)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	25.2	(68.599.763.400)	(69.999.763.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.053.330.284	417.176.737.727
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(151.494.230.063)	(351.122.599.480)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		212.905.766.099	564.028.365.579
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	61.411.536.036	212.905.766.099



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng




Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 401 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 443).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
			(%)	(%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 (“LCI”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	95
(2) Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điền Phước	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	95	95
(3) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 (“CT12”)	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiềm Ích Licogi 16 (“LCU”)	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	75
(5) Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ (“SGCT”)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Đang hoạt động	45,75	45,75
(6) Công ty Cổ phần Licons Việt Nam (“Licons”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	80	80
(7) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 (“LCE”)	Đầu tư và phát triển các dự án năng lượng	Đang hoạt động	88	88
(8) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận (“LNT”)	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	97	-
(9) Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 (“LCLand”)	Bất động sản	Đang hoạt động	95	95
(10) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 1 (“QT1”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	-
(11) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 2 (“QT2”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của đồng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Nhóm Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có hai bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản và cung cấp dịch vụ xây dựng. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	928.217.330	1.204.508.898
Tiền gửi ngân hàng	58.845.318.706	133.508.915.544
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	1.638.000.000	1.368.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	76.824.341.657
TỔNG CỘNG	61.411.536.036	212.905.766.099

(*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.1).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 7,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.117.499.772.865	582.493.046.966
Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2	138.626.770.314	-
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	137.218.314.538	97.080.283.918
Công ty Cổ phần Licogi 13	131.631.411.250	50.394.976.294
Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 1	104.612.588.405	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Tâm	104.564.884.701	-
Cá nhân mua dự án đất nền	166.455.007.648	125.976.065.486
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	41.211.884.686	66.152.303.292
Khác	293.178.911.323	242.889.417.976
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	407.225.967.429	496.610.605.654
TỔNG CỘNG	1.524.725.740.294	1.079.103.652.620
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.010.199.767)	(25.589.381.265)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.491.715.540.527	1.053.514.271.355

Một phần khoản phải thu của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.589.381.265	27.381.078.215
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	11.920.818.502	4.608.303.050
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(4.500.000.000)</u>	<u>(6.400.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>33.010.199.767</u>	<u>25.589.381.265</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	307.968.814.354	219.415.240.766
<i>Công ty Cổ phần Licogi 13</i>	29.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Licogi 166</i>	20.665.400.000	20.665.400.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt</i>	20.474.042.445	20.474.042.445
<i>Công ty Đầu tư Thủy Nguyên Xanh</i>	19.354.279.804	-
<i>Công ty Kỹ nghệ Thái An</i>	16.397.571.356	-
<i>Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần</i>	16.147.880.000	16.147.880.000
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	185.929.640.749	162.127.918.321
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	<u>63.555.794.980</u>	<u>40.760.129.306</u>
TỔNG CỘNG	<u>371.524.609.334</u>	<u>260.175.370.072</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	7.800.000.000	6.000.000.000
Các bên khác	<u>8.136.418.391</u>	<u>3.236.418.391</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.936.418.391</u>	<u>9.236.418.391</u>

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức
	VND		(%/năm)	đảm bảo
Cho vay bên liên quan				
Ông Trần Duy Doanh – Thành viên góp vốn CT12				
Cho vay	<u>7.800.000.000</u>	12 tháng	Không	Tín chấp
Cho vay bên khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	3.136.418.391	12 tháng	Không	Tín chấp
Bà Trương Thu Dung	<u>5.000.000.000</u>	12 tháng	10	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>8.136.418.391</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	366.886.676.899	371.870.532.306
Tạm ứng (*)	102.927.927.765	152.993.964.881
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	135.000.000.000	130.068.000.000
Chi hộ	27.070.056.803	26.735.898.058
Tạm ứng về góp vốn	1.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu về chuyển nhượng vốn	95.090.552.686	19.548.550.000
Phải thu lãi cho vay	385.461.855	6.895.244.089
Ký quỹ mở L/C, bảo lãnh thanh toán	-	5.468.219.352
Ký quỹ khác	1.936.650.352	-
Khác	3.476.027.438	5.160.655.926
Dài hạn	6.367.569.000	-
Đặt cọc thực hiện hợp đồng	6.367.569.000	-
TỔNG CỘNG	<u>373.254.245.899</u>	<u>371.870.532.306</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>353.024.374.159</i>	<i>346.840.660.566</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>20.229.871.740</i>	<i>25.029.871.740</i>

(*) Đây là khoản tạm ứng để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng dở dang (*)	580.475.984.852	409.741.544.300
Bất động sản dở dang (**)	192.657.162.665	304.447.876.850
Vật tư xây dựng	49.871.537.236	117.018.235.032
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	1.082.515.506
Công cụ, dụng cụ	1.095.413.044	945.053.831
TỔNG CỘNG	<u>824.798.589.199</u>	<u>833.235.225.519</u>

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	310.612.790.120	144.257.347.778
Nhà máy nước Phú Ninh	36.424.221.907	-
Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn	33.832.656.767	43.623.430.905
Chung cư Hiệp Thành	29.502.791.585	14.859.964.934
Bệnh viện II Lâm Đồng	20.160.683.136	34.078.680.895
Nhà máy nước Sông Đà	-	64.054.267.481
Khác	149.942.841.337	108.867.852.307
TỔNG CỘNG	<u>580.475.984.852</u>	<u>409.741.544.300</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(**) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Điền Phước	94.039.828.586	88.151.390.621
Khu dân cư Bảo Lộc 3,4ha	53.678.940.899	43.734.309.807
Khu dân cư Long Tân	26.052.288.246	147.806.951.558
Khu dân cư Hiệp Thành	18.886.104.934	24.755.224.864
TỔNG CỘNG	<u>192.657.162.665</u>	<u>304.447.876.850</u>

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 23.1*).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.290.582.495	14.317.736.662
Phí môi giới	7.869.921.901	13.566.395.015
Chi phí bảo hiểm	-	338.626.214
Khác	420.660.594	412.715.433
Dài hạn	891.287.669	1.883.086.810
Phí bảo lãnh	-	1.140.080.524
Công cụ, dụng cụ	891.287.669	743.006.286
TỔNG CỘNG	<u>9.181.870.164</u>	<u>16.200.823.472</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	-	336.605.126.705	123.937.006.959	2.298.977.474	462.841.111.138
Mua trong năm	15.911.812.979	1.354.000.000	19.267.173.366	181.400.000	36.714.386.345
Thanh lý	-	(788.499.200)	(6.551.917.882)	-	(7.340.417.082)
Số cuối năm	15.911.812.979	337.170.627.505	136.652.262.443	2.480.377.474	492.215.080.401
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	12.250.332.265	14.087.963.231	471.829.454	26.810.124.950
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	-	(67.879.122.751)	(41.501.210.774)	(1.821.300.761)	(111.201.634.286)
Khấu hao trong năm	(340.057.782)	(40.819.740.856)	(15.486.270.584)	(414.249.799)	(57.060.319.021)
Thanh lý	-	254.484.885	5.552.670.493	-	5.807.155.378
Số cuối năm	(340.057.782)	(108.444.378.722)	(51.434.810.865)	(2.235.550.560)	(162.454.797.929)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	268.726.003.954	82.435.796.185	477.676.713	351.639.476.852
Số cuối năm	15.571.755.197	228.726.248.783	85.217.451.578	244.826.914	329.760.282.472
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 23.2)	-	101.905.568.306	56.909.716.201	-	158.815.284.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	19.153.008.553
Thuê trong năm	<u>32.850.400.000</u>
Số cuối năm	<u>52.003.408.553</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(3.680.814.629)
Khấu hao trong năm	<u>(9.565.831.865)</u>
Số cuối năm	<u>(13.246.646.494)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>15.472.193.924</u>
Số cuối năm	<u>38.756.762.059</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	9.665.060.000
Mua trong năm	<u>548.180.000</u>
Số cuối năm	<u>10.213.240.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(7.199.145.719)
Hao mòn trong năm	<u>(1.306.236.048)</u>
Số cuối năm	<u>(8.505.381.767)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>2.465.914.281</u>
Số cuối năm	<u>1.707.858.233</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hải	200.132.538.321	-
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.667.017.125	72.667.017.125
Nhà máy nước Sài Gòn Mê Kông	67.496.752.557	54.207.534.456
Khác	392.103.850	234.805.455
TỔNG CỘNG	<u>340.688.411.853</u>	<u>127.109.357.036</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	214.981.295.804	285.075.694.052
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	487.397.030.000	487.397.030.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.559.519.500	24.659.519.500
TỔNG CỘNG	<u>728.937.845.304</u>	<u>797.132.243.552</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	180.000.000.000	30,00	180.000.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	26.638.970.477	34,50	27.751.177.029	34,50
Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông nam Quảng Trị	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	6.460.000.000	30,00	600.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	1.882.325.327	36,36	1.902.091.281	36,36
Công ty Cổ phần Licogi 166 (*)	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	-	-	46.460.425.742	46,42
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (*)	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	-	-	28.362.000.000	48,90
TỔNG CỘNG			214.981.295.804		285.075.694.052	

(*) Nhóm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Licogi 166 và Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – An Khê cho nhà đầu tư cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	396.210.674.660
Tăng trong năm	5.860.000.000
Thanh lý	<u>(69.256.891.811)</u>
Số cuối năm	<u>332.813.782.849</u>

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	(111.134.980.608)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(8.769.648.334)
Cổ tức được chia trong năm	(1.497.300.000)
Thanh lý	<u>3.569.441.897</u>
Số cuối năm	<u>(117.832.487.045)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>285.075.694.052</u>
Số cuối năm	<u>214.981.295.804</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	47.500.000.000	19
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	47.200.000.000	11	47.200.000.000	11
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Dankia	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	14.250.000.000	9,5	14.250.000.000	9,5
TỔNG CỘNG			487.397.030.000		487.397.030.000	

Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 29.950.444.258

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm (18.085.601.149)

Phân bổ trong năm (1.475.044.426)

Số cuối năm (19.560.645.575)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 11.864.843.109

Số cuối năm 10.389.798.683

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	786.620.645.485	798.201.997.978
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng</i>	47.767.916.900	-
<i>Công ty Cổ phần Licogi 13</i>	45.422.245.570	47.940.147.769
<i>Tập đoàn Đầu tư và Xây dựng Hoàng Long</i>	40.414.018.595	-
<i>Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương</i>	29.626.989.653	53.483.658.338
<i>Công ty Cổ phần Licogi 16.2</i>	27.043.073.043	-
<i>Khác</i>	596.346.401.724	696.778.191.871
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	100.000.000.000	43.000.000.000
TỔNG CỘNG	886.620.645.485	841.201.997.978

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	343.768.624.904	239.362.781.847
<i>Tạm ứng từ cá nhân mua dự án đất nền</i>	27.418.793.122	43.104.201.450
<i>Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải</i>		
<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	33.819.037.747	-
<i>Công ty TNHH Kỹ nghệ Thái An</i>	29.300.000.000	-
<i>Ban quản lý các Dự án điện miền Trung</i>	19.269.821.281	
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh</i>	19.100.000.000	
<i>Khác</i>	214.860.972.754	196.258.580.397
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	23.508.471.551	375.522.432.975
TỔNG CỘNG	367.277.096.455	614.885.214.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.864.588.558	65.368.546.623	(31.087.611.300)	66.145.523.881
Thuế thu nhập cá nhân	3.443.010.799	11.386.755.373	(8.214.957.899)	6.614.808.273
Thuế nhà thầu	-	3.158.983.459	-	3.158.983.459
Thuế giá trị gia tăng	13.044.823.113	25.353.389.028	(38.397.282.046)	930.095
Khác	4.238.888	7.751.769.014	(3.567.583.513)	4.188.424.389
TỔNG CỘNG	<u>48.356.661.358</u>	<u>113.019.443.497</u>	<u>(81.267.434.758)</u>	<u>80.108.670.097</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoàn thành các công trình xây dựng	543.226.476.905	156.048.620.827
Lương tháng 13	12.999.610.750	14.135.151.936
Lãi vay	1.769.967.701	2.875.187.514
Khác	303.636.364	68.545.455
TỔNG CỘNG	<u>558.299.691.720</u>	<u>173.127.505.732</u>

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	125.030.902.547	90.404.043.219
Phạt thuế	44.615.617.189	46.620.302.219
Nhận tạm ứng	27.285.217.421	5.379.241.589
Phải trả khoản đầu tư	33.425.073.973	26.600.000.000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	8.701.909.531	6.746.913.333
Chi phí pháp lý bàn giao căn hộ	4.282.157.061	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.001.586.683	1.808.427.345
Khác	5.719.340.689	3.249.158.733
Dài hạn	17.350.468.768	15.601.283.351
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Nhận ký quỹ, ký cược	3.000.000	-
Lãi vay	1.811.628.768	65.443.351
TỔNG CỘNG	<u>142.381.371.315</u>	<u>106.005.326.570</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>120.020.457.342</i>	<i>90.469.486.570</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>22.360.913.973</i>	<i>15.535.840.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	859.327.279.597	708.618.144.918
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	685.262.260.310	615.427.152.941
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 23.4)	86.243.179.025	9.925.928.250
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 23.3, 32)	5.520.471.271	7.410.768.922
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.2)	69.303.286.522	71.791.788.285
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.5)	10.556.722.092	4.062.506.520
Khoản vay đến hạn trả khác (Thuyết minh số 23.4)	2.441.360.377	-
Dài hạn	105.883.075.380	144.291.711.098
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.2)	57.895.540.349	104.337.469.336
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 23.4)	26.000.000.000	30.450.000.000
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 23.5)	21.987.535.031	9.504.241.762
TỔNG CỘNG	<u>965.210.354.977</u>	<u>852.909.856.016</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	852.909.856.016	432.554.020.710
Vay trong năm	1.690.192.747.729	1.548.608.051.065
Thuê tài chính trong năm	32.850.400.000	12.911.334.179
Trả nợ vay trong năm	(1.596.869.757.609)	(1.136.574.952.756)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(13.872.891.159)	(4.588.597.182)
Số cuối năm	<u>965.210.354.977</u>	<u>852.909.856.016</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Vay	278.363.768.144	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	8,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Tiền gửi tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Vay	166.935.667.430	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2020 đến ngày 24 tháng 9 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	8 ~ 8,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
Vay	179.979.824.736	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	7,85	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản Số 374/HĐTCQT/NHCT240-LICOGI16 và Số 433/HĐTCQT/NHCT240-LICOGI16
Ngân hàng Cổ phần quân đội - Chi nhánh 1					
Vay	48.000.000.000	Ngày 7 tháng 5 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Tiền mặt trong tài khoản bị chặn của BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Hữu Nghị tại ngân hàng với giá trị 50.000.000.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội					
Vay	11.983.000.000	Từ ngày 8 tháng 5 năm 2020 đến ngày 12 tháng 6 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	10,1 ~ 14,8	Các quyền phát sinh từ việc đòi nợ của các hợp đồng kinh doanh của Công ty
TỔNG CỘNG	685.262.260.310				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Vay	93.636.400.774	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2020 đến ngày 26 tháng 5 năm 2024	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	9 ~ 9,3	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	42.740.860.425				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Vay	26.562.426.097	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2020 đến ngày 25 tháng 10 năm 2020	Mua tài sản cố định	10,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	26.562.426.097				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Long					
Vay	7.000.000.000	Ngày 18 tháng 7 năm 2029	Mua tài sản cố định	11,35	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
TỔNG CỘNG	127.198.826.871				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	69.303.286.522				
Vay dài hạn	57.895.540.349				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	<u>5.520.471.271</u>	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không	Tín chấp

23.4 Các khoản vay từ bên khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Cá nhân	<u>86.243.179.025</u>	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 10 tháng 11 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	0 ~ 12,75	Tín chấp
Vay dài hạn					
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	26.000.000.000	Ngày 1 tháng 11 năm 2021 đến ngày 26 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	5,5 ~ 6	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai	2.441.360.377	Ngày 29 tháng 5 năm 2020	Tài trợ vốn lưu động	5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>28.441.360.377</u>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.441.360.377				
Vay dài hạn	26.000.000.000				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Nợ thuế tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	12.643.773.077	2.087.050.985	4.966.424.941	903.918.421	4.062.506.520
Từ 1 năm trở xuống	12.643.773.077	2.087.050.985	4.966.424.941	903.918.421	4.062.506.520
Nợ thuế tài chính dài hạn	23.951.429.444	1.963.894.413	10.371.081.566	866.839.804	9.504.241.762
Từ 1 đến 5 năm	23.951.429.444	1.963.894.413	10.371.081.566	866.839.804	9.504.241.762
TỔNG CỘNG	36.595.202.521	4.050.945.398	15.337.506.507	1.770.758.225	13.566.748.282

24. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Dự phòng chi phí bảo hành Dự án Hiệp Thành	19.670.728.282	21.174.781.145	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	780.000.000.000	93.686.603.494	(3.380.000)	119.204.302.363	88.163.615.253	1.081.051.141.110
Tăng vốn cổ phần	220.000.000.000	-	-	-	-	220.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	164.576.999.715	164.576.999.715
Thường Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(780.612.184)	(780.612.184)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(69.999.763.400)	(69.999.763.400)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(18.768.000.000)	-	-	(18.768.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.903.060.919)	(3.903.060.919)
Số cuối năm	1.000.000.000.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	178.057.178.465	1.372.176.704.322
Năm nay						
Số đầu năm	1.000.000.000.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	178.057.178.465	1.372.176.704.322
Tăng vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	191.125.782.226	191.125.782.226
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.520.389.980)	(11.520.389.980)
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(68.599.763.400)	(68.599.763.400)
Cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	48.992.930.000	-	-	-	(48.992.930.000)	-
Số cuối năm	1.048.992.930.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	240.069.877.311	1.483.182.333.168

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2019, Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 68.599.763.400 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu.

(ii) Vào ngày 20 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 4.899.293 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với giá trị là 48.992.930.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2019.

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.048.992.930.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.000.000.000.000	780.000.000.000
Tăng vốn trong năm	48.992.930.000	220.000.000.000
Số cuối năm	<u>1.048.992.930.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	(68.599.763.400)	(69.999.763.400)
Cổ tức đã trả	(68.599.763.400)	(69.999.763.400)

25.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	104.899.293	100.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.899.293	100.000.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	102.898.955	97.999.662

25.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	191.125.782.226	164.576.999.715
Trừ: Quý khen thưởng và phúc lợi (i)	<u>(19.112.578.223)</u>	<u>(11.520.389.980)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	172.013.204.003	153.056.609.735
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>102.898.955</u>	<u>97.769.525</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.672</u>	<u>1.565</u>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2019.

Quý khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của kỳ này theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 07/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2019.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.536.267.886.150	2.526.375.101.138
Doanh thu dịch vụ xây dựng	2.005.699.409.593	1.862.171.914.438
Doanh thu từ bán đất nền và chung cư	484.947.891.905	610.567.530.440
Doanh thu bán hàng	24.996.379.725	52.717.835.070
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	20.624.204.927	917.821.190
Giảm trừ	-	(24.721.369.000)
Lợi nhuận thuần	2.536.267.886.150	2.501.653.732.138

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	41.999.633.500	23.856.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.553.798.944	13.979.847.200
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.736.051.657	
Khác	-	13.900.000
TỔNG CỘNG	48.289.484.101	37.849.747.200

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	1.884.200.906.523	1.673.450.638.845
Giá vốn bán đất nền và chung cư	164.055.005.313	447.013.417.542
Giá vốn hàng bán	14.050.785.417	52.613.674.719
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.675.323.633	2.558.979.841
TỔNG CỘNG	2.075.982.020.886	2.175.636.710.947

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.403.952.931	54.262.655.498
Lãi trả chậm	-	3.640.928.639
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	36.263.449.914	1.910.541.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	590.020.140	894.717.353
Khác	149.691.029	-
TỔNG CỘNG	116.407.114.014	60.708.843.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	51.802.501.111	27.853.806.906
Chi phí hoa hồng	51.802.501.111	27.281.157.903
Chi phí khác	-	572.649.003
Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.537.911.170	65.138.591.340
Chi phí lương	39.893.516.115	38.117.802.105
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.420.818.502	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.625.889.699	3.669.407.642
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.809.048.588	1.921.095.985
Phân bổ lợi thế thương mại	1.475.044.426	1.413.355.665
Chi phí khác	16.313.593.840	20.016.929.943
TỔNG CỘNG	<u>125.340.412.281</u>	<u>92.992.398.246</u>

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	7.625.993.192	5.151.437.380
Doanh thu bảo lãnh	3.313.753.248	2.726.479.800
Tiền phạt vi phạm hợp đồng nhận được	1.823.354.934	1.899.668.429
Thanh lý tài sản cố định	340.374.660	68.181.818
Khác	2.148.510.350	457.107.333
Chi phí khác	9.752.146.253	3.922.647.959
Phạt thuế	6.195.418.176	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	1.066.280.819
Chi phí bảo lãnh	3.000.161.040	2.366.022.778
Khác	556.567.037	490.344.362
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>(2.126.153.061)</u>	<u>1.228.789.421</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại doanh nghiệp khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.506.435.422	34.344.266.020
Điều chỉnh thuế trích thiếu của năm trước	6.862.111.201	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(3.199.905.462)</u>	<u>(3.568.133.261)</u>
TỔNG CỘNG	<u>62.168.641.161</u>	<u>30.776.132.759</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>255.932.021.675</u>	<u>213.576.653.776</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng	51.186.404.335	42.715.330.755
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ (lợi nhuận) được chia từ công ty liên kết	1.753.929.667	(436.467.539)
Chi phí không được trừ	2.785.075.452	3.521.870.567
Phân bổ lợi thế thương mại	295.008.885	282.671.133
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý khoản đầu tư	(713.888.379)	382.108.399
Thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận những năm trước	-	(7.184.555.598)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(8.504.824.957)
Điều chỉnh thuế trích thiếu của năm trước	<u>6.862.111.201</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>62.168.641.161</u>	<u>30.776.132.760</u>

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.602.039.953	5.117.876.253	1.484.163.700	5.117.876.253
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.690.266.398	1.307.613.691	1.382.652.707	(3.472.004.943)
Khấu hao	534.845.458	777.672.730	(242.827.272)	777.672.730
Trợ cấp thôi việc phải trả	298.650.300	298.650.300	-	298.650.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	652.960.273	252.731.276	400.228.997	252.731.276
Chênh lệch đánh giá hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	(1.496.665.261)	(1.672.352.591)	175.687.330	593.207.645
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>9.282.097.121</u>	<u>6.082.191.659</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>3.199.905.462</u>	<u>3.568.133.261</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	733.847.674.955	662.542.472.094
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	21.000.000.000	134.949.997.763
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	61.313.363.782	174.274.196.716
		Vay	14.000.000.000	-
		Trả gốc vay	14.000.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng vốn	12.000.000.000	-
		Phí bảo lãnh	3.346.480.520	2.606.479.800
		Cổ tức được nhận	1.497.300.000	48.792.457.122

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	233.620.062.496	290.772.460.559
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	129.822.236.199	134.997.236.199
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	22.611.444.507
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	11.878.702.365	11.878.702.365
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	3.611.729.651	7.929.833.930
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc ("TGĐ")	Bán đất nền	-	74.387.520
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	Bán đất nền	-	53.303.856
TỔNG CỘNG			407.225.967.429	496.610.605.654

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	<u>63.555.794.980</u>		<u>40.760.129.306</u>
Phải thu về cho vay					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	<u>7.800.000.000</u>		<u>6.000.000.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	20.129.871.740		20.129.871.740
Ông Phi Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Chuyển nhượng vốn	100.000.000		4.600.000.000
Bà Lê Thị Phương Nam	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	-		300.000.000
TỔNG CỘNG			<u>20.229.871.740</u>		<u>25.029.871.740</u>
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	<u>100.000.000.000</u>		<u>43.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	351.564.336.424	
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	22.782.471.551	22.782.471.551	
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	726.000.000	689.700.000	
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	-	485.925.000	
TỔNG CỘNG			23.508.471.551	375.522.432.975	
Phải trả khác					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận chuyển nhượng vốn	6.000.000.000	-	
		Lãi vay	825.073.973	-	
Vay			22.360.913.973	15.535.840.000	
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271	
Ông Đào Chí Thành	Thành viên góp vốn Công ty Licons	Vay	-	998.497.651	
Ông Bùi Văn Sinh	Thành viên góp vốn Công ty Licons	Vay	-	891.800.000	
TỔNG CỘNG			5.520.471.271	7.410.768.922	
Phải trả người bán dài hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	89.414.653.881	80.207.294.642	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>9.119.184.344</u>	<u>9.416.242.672</u>

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	646.214.182	1.791.054.042
Trên 1 đến 5 năm	<u>1.095.428.091</u>	<u>717.415.527</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.741.642.273</u>	<u>2.508.469.569</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền 304.536.948.089 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty liên kết.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	2.060.623.893.983	484.947.891.905	124.877.751.649	(134.181.651.387)	2.536.267.886.150
Tổng doanh thu thuần	2.060.623.893.983	484.947.891.905	124.877.751.649	(134.181.651.387)	2.536.267.886.150
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	123.326.670.370	321.093.301.119	28.731.447.031	(12.865.553.256)	460.285.865.264
<i>Chi phí không phân bổ</i>				(125.340.412.281)	(125.340.412.281)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>				48.289.484.101	48.289.484.101
<i>Chi phí tài chính</i>				(116.407.114.014)	(116.407.114.014)
<i>(Lỗ) lợi nhuận khác</i>				(2.126.153.061)	(2.126.153.061)
<i>Phân bổ từ công ty liên kết</i>				(8.769.648.334)	(8.769.648.334)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				255.932.021.675	255.932.021.675
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>				(65.368.546.623)	(65.368.546.623)
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>				3.199.905.462	3.199.905.462
Lợi nhuận thuần sau thuế					193.763.380.514
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.940.063.851.008	387.626.138.466	340.688.411.853	(241.054.080.318)	3.427.324.321.009
<i>Tài sản không phân bổ</i>				1.291.401.229.569	1.291.401.229.569
Tổng tài sản					4.718.725.550.578
<i>Công nợ bộ phận</i>	2.129.833.085.027	417.687.054.157	546.514.238.414	(316.626.588.961)	2.777.407.788.637
<i>Công nợ không phân bổ</i>				353.964.448.075	353.964.448.075
Tổng công nợ					3.131.372.236.712

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
					VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	<u>1.855.350.140.170</u>	<u>610.567.530.440</u>	<u>101.614.650.250</u>	<u>(65.878.588.722)</u>	<u>2.501.653.732.138</u>
Tổng doanh thu thuần	<u>1.855.350.140.170</u>	<u>610.567.530.440</u>	<u>101.614.650.250</u>	<u>(65.878.588.722)</u>	<u>2.501.653.732.138</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	166.887.894.285	141.609.879.172	548.573.244	16.970.674.490	326.017.021.191
<i>Chi phí không phân bổ</i>					(92.992.398.246)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>					37.849.747.200
<i>Chi phí tài chính</i>					(60.708.843.483)
<i>Lợi nhuận khác</i>					1.228.789.421
<i>Phân lỗ từ công ty liên kết</i>					2.182.337.693
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>					213.576.653.776
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>					(34.344.266.020)
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>					3.568.133.261
Lợi nhuận thuần sau thuế					182.800.521.017
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.301.718.657.265	467.460.454.684	127.109.357.036	(115.392.116.447)	2.780.896.352.538
<i>Tài sản không phân bổ</i>					1.448.710.887.895
Tổng tài sản					4.229.607.240.433
<i>Công nợ bộ phận</i>	2.687.118.001.666	184.322.423.631	60.570.777.191	(369.679.333.298)	2.562.331.869.190
<i>Công nợ không phân bổ</i>					194.768.279.234
Tổng công nợ					2.757.100.148.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đỗ Văn Hường
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020